

Giáo Sĩ Việt Nam

Bán nguyệt san – Số 397 – Chúa nhật 24.01.2021

Giáo sĩ: ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt 5, 1)

www.conggiaovietnam.net

giasivietnam@gmail.com

MỤC LỤC

CÁC BÍ TÍCH KHÁC VÀ CÁC Á BÍ TÍCH - HIẾN CHẾ VỀ PHỤNG VỤ THÁNH	Vatican 2
HOÁN CẢI LÀ ĐỂ CHO CHÚA GIÊSU DẪN TA ĐI TRÊN CON ĐƯỜNG CỦA NGÀI.....	
.....	Phêrô Phạm Văn Trung
HÃY GIỮ VỮNG NIỀM TIN	Bác Sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD
TÔNG ĐỒ GIÁO DÂN: “ĐẾN MÀ XEM”	Lm. Jos Phan Quang Trí, O.Carm.
EUREKA (TÔI ĐÃ TÌM RA RỒI) - CN 2TN	Lm. Anphong Nguyễn Công Minh, OFM.
THA THỨ: YẾU TỐ HẠNH PHÚC CỦA HÔN NHÂN	Tiến sĩ Trần Mỹ Duyệt
GIỚI THIỆU TÁC PHẨM NHÌN XUỐNG CUỘC ĐỜI	Nhà Văn Quyên Di
TIN LÀ THẦN DƯỢC	Lm Peter Lê Văn Quảng, Psy.D.
CHUYỆN MỖI TUẦN – BƯỚC CHÂN THỨ IV TRONG HÀNH TRÌNH “ĐỒNG HÀNH CÙNG GIỚI TRẺ” VỚI “ ĐỨC KI-TÔ – ĐANG ĐANG SỐNG” – BƯỚC CUỐI CỦA CHƯƠNG 9 VỚI CHỦ ĐỀ PHÂN ĐỊNH	Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp
TÂN CHỈ NAM HUẤN GIÁO - CHƯƠNG 4: CHƯƠNG IV VIỆC ĐÀO TẠO GIÁO LÝ VIÊN	
.....	Phaolô Phạm Xuân Khôi chuyển ngữ
VIRUS GALEN	Bác Sĩ Nguyễn Ý-Đức, MD
CHẠY.....	Chuyện phiếm của Gã Siêu.

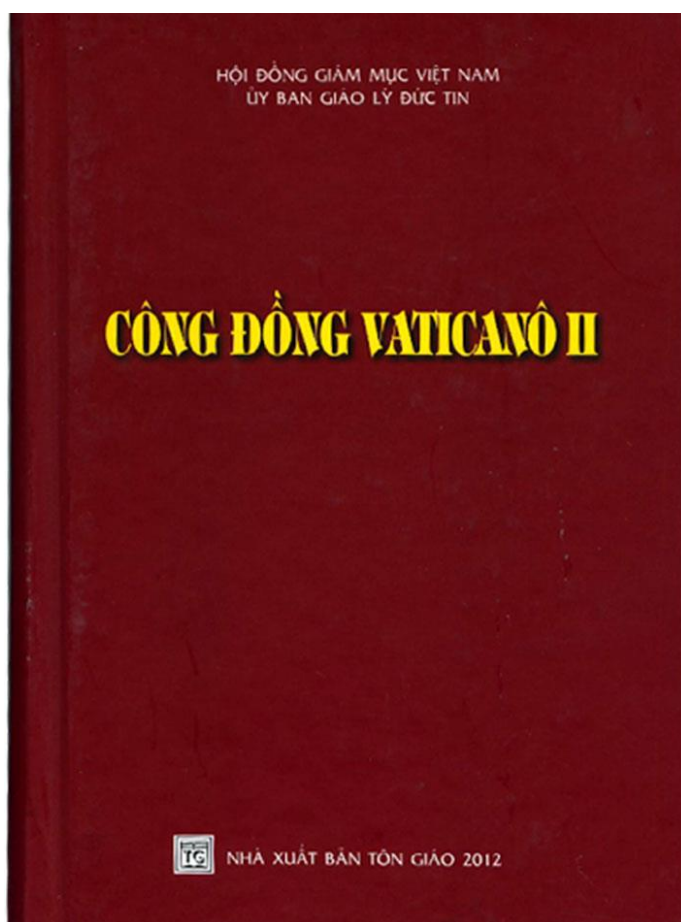
CÁC BÍ TÍCH KHÁC VÀ CÁC Á BÍ TÍCH - HIẾN CHẾ VỀ PHỤNG VỤ THÁNH

LTS. Mặc dù trong 15 năm qua, Đặc San GSVN đã phổ biến nhiều lần các văn kiện của Công Đồng Vatican II, nhưng chúng con vẫn thấy đây là những tư liệu vô giá, sẽ giúp nuôi dưỡng đời sống Đức Tin cho mọi Kitô Hữu, cũng như sẽ rất hữu ích cho những ai muốn tìm hiểu về Giáo Hội Công Giáo, vì thế chúng con sẽ tiếp tục giới thiệu về 16 văn kiện quan trọng của Công Đồng Chung Vatican II, đây là bản dịch của Ủy Ban Giáo Lý & Đức Tin, HĐGM Việt Nam.

Kính mong được mọi người cùng quan tâm.

Xin chân thành cảm ơn.

Đặc San GSVN



PHAOLÔ GIÁM MỤC TÔI TỚ CÁC TÔI TỚ THIÊN CHÚA
HỢP NHẤT VỚI CÁC NGHỊ PHỤ CỦA THÁNH CÔNG ĐỒNG
ĐỂ MUÔN ĐỜI GHI NHỚ

HIẾN CHẾ VỀ PHỤNG VỤ THÁNH
SACROSANCTUM CONCILIUM

Ngày 4 tháng 12 năm 1963

Tiếp theo

CHƯƠNG III
CÁC BÍ TÍCH KHÁC VÀ CÁC Á BÍ TÍCH

59. Các bí tích có mục đích thánh hóa con người, xây dựng thân thể Chúa Kitô, và sau cùng là thờ phượng Thiên Chúa; vì là những dấu chỉ, các bí tích còn có mục đích giáo huấn. Các bí tích không những giả thiết phải có đức tin, mà còn nuôi dưỡng, củng cố và diễn tả đức tin bằng các lời đọc và nghi thức, vì thế, được gọi là các bí tích của đức tin. Thật vậy, các bí tích ban ân sủng, còn việc cử hành các bí tích sẽ giúp các tín hữu sẵn sàng đón nhận ân sủng đó cách hữu hiệu để thờ phượng Chúa đúng cách và để thực thi đức ái.

Do đó, điều rất quan trọng là làm sao cho các tín hữu dễ dàng hiểu được những dấu chỉ của các bí tích, và siêng năng lãnh nhận các bí tích đã được lập ra để nuôi dưỡng đời sống Kitô hữu.

60. Ngoài ra, Mẹ thánh Giáo Hội còn thiết lập những á bí tích. Đó là những dấu chỉ thánh thiêng, phần nào phỏng theo những bí tích, qua đó những năng lực, nhất là những năng lực thiêng liêng được biểu thị và thông ban nhờ sự chuyển cầu của Giáo Hội. Các á bí tích giúp con người sẵn sàng lãnh nhận hiệu năng chính yếu của các bí tích và thánh hóa những hoàn cảnh khác biệt trong cuộc sống.

61. Vì thế, nơi các tín hữu đã được chuẩn bị chu đáo, Phụng vụ các bí tích và á bí tích sẽ thánh hóa hầu hết những biến cố trong đời sống nhờ nguồn ân sủng siêu nhiên xuất phát từ mầu nhiệm Vượt qua của Chúa Kitô chịu khổ nạn, chịu chết và sống lại, Đấng chính là nguồn phát sinh năng lực cho tất cả các bí tích và á bí tích; và kể như mọi việc sử dụng chính đáng các chất thể hữu hình đều có thể đưa tới mục đích thánh hóa con người và ca khen Thiên Chúa.

62. Tuy nhiên, theo dòng thời gian, một số yếu tố đã được đưa vào các nghi thức khiến cho con người thời nay không còn nhận ra rõ ràng bản chất và mục đích của các bí tích và á bí tích, vì thế, cần phải thích nghi những yếu tố đó cho hợp với nhu cầu của thời đại, từ đó trong việc duyệt xét lại các nghi thức, thánh Công Đồng quyết định các điều sau đây.

63. Vì việc dùng tiếng bản địa trong khi cử hành bí tích và á bí tích, có thể rất ích lợi cho giáo dân, nên có thể sử dụng rộng rãi ngôn ngữ địa phương theo những qui tắc sau đây:

a) Tiếng bản địa có thể được sử dụng trong khi cử hành các bí tích và á bí tích theo qui tắc đã nêu lên trong số 36.

b) Dựa theo ấn bản mới của quyền Nghi Lễ Rôma, các sách Nghi thức riêng thích nghi với nhu cầu từng miền, cả về phương diện ngôn ngữ, phải được soạn thảo càng sớm càng tốt bởi thẩm quyền Giáo Hội địa phương, như đã nói trong số 22 §2 của Hiến chế này, và sau khi đã được Tòa Thánh chuẩn y, các sách này sẽ được sử dụng trong những miền liên quan. Trong việc soạn thảo các sách Nghi thức, hay những tập sách đặc biệt về các nghi thức, không được bỏ qua những huấn thị ghi ở đầu từng nghi thức trong sách Nghi Lễ Rôma, dù là huấn thị về mục vụ, về phần chữ đồ, hay những huấn thị có giá trị xã hội đặc biệt.

64. Phải phục hồi chương trình giáo lý dự tòng cho người trưởng thành, tiến hành qua nhiều giai đoạn tách biệt, và việc thực hiện phải tùy theo phán quyết của Đấng Bản Quyền địa phương; nhờ đó, thời gian dự tòng dành cho việc huấn giáo tương xứng có thể được thánh hóa bởi những nghi lễ thánh, được cử hành vào những thời điểm nối tiếp nhau.

65. Trong các xứ truyền giáo, ngoài những yếu tố đã có trong truyền thống Kitô giáo, cũng được phép công nhận những yếu tố của việc khai tâm đang được thực hiện nơi mỗi dân tộc, miễn là các yếu tố đó có thể thích ứng với nghi lễ Kitô giáo, theo qui tắc đã nêu trong các số 37-40 của Hiến chế này.

66. Phải duyệt lại cả hai nghi thức Rửa tội cho người trưởng thành, một nghi thức đơn giản và một nghi thức trọng thể dựa trên chương trình mới của giáo lý dự tòng; và sẽ đưa vào Sách lễ Rôma một lễ đặc biệt trong dịp “ban bí tích Thánh tẩy”.

67. Phải duyệt lại nghi thức Rửa tội cho trẻ em, và thích nghi với trường hợp các trẻ sơ sinh; nghi thức phải làm nổi bật hơn nữa vai trò và bổn phận của cha mẹ cũng như những người đỡ đầu.

68. Khi có đông người chịu bí tích Thánh tẩy, trong nghi lễ nên có những thích ứng tùy theo phán quyết của Đấng Bản Quyền địa phương. Cũng phải soạn thảo một “nghi thức vắn tắt”, để các giáo lý viên, đặc biệt trong các xứ truyền giáo, và cách chung các tín hữu, có thể sử dụng trong trường hợp nguy tử khi không có linh mục hay phó tế.

69. Thay vì nghi thức vẫn được gọi là “nghi thức bù các phép cho các trẻ nhỏ đã Rửa tội”, phải soạn thảo một nghi thức mới, trong đó nói lên rõ ràng và thích hợp hơn về việc em bé được rửa tội theo nghi thức vắn tắt cũng đã được nhận vào Giáo Hội rồi.

Cũng thế, đối với những người trước kia đã được rửa tội thành sự, nay trở về với Giáo Hội Công Giáo, phải soạn thảo một nghi thức mới trong đó nêu lên ý nghĩa việc họ được chấp nhận, được hiệp thông với Giáo Hội.

70. Ngoài mùa Phục sinh, có thể làm phép nước Rửa tội ngay trong nghi thức Thánh tẩy, theo một công thức vẫn tất đã được chuẩn nhận.

71. Cũng phải duyệt lại nghi thức Thêm sức để làm sáng tỏ hơn mối tương quan mật thiết của bí tích này với toàn thể nghi lễ gia nhập Kitô giáo. Vì thế, nên lập lại lời hứa Rửa tội ngay trước khi nhận lãnh bí tích Thêm sức.

Nếu thuận tiện, có thể cử hành bí tích Thêm sức trong thánh lễ. Còn khi cử hành ngoài thánh lễ, phải soạn thảo một công thức để mở đầu nghi lễ.

72. Nghi lễ và công thức bí tích Giải tội phải được duyệt lại để diễn tả rõ ràng hơn bản tính và hiệu quả của bí tích này.

73. “Bí tích Xức dầu sau cùng” hay đúng hơn phải gọi là “bí tích Xức dầu bệnh nhân” không phải là bí tích dành riêng cho những người hấp hối. Dĩ nhiên, thời gian thuận tiện để lãnh nhận bí tích này chắc chắn là lúc tín hữu bắt đầu nguy tử vì bệnh tật hay già yếu.

74. Ngoài hai nghi thức tách biệt nhau là Xức dầu bệnh nhân và trao Cửa Ăn Đàng, phải soạn thảo một bản nghi lễ liên tục, theo đó bệnh nhân sẽ được xức dầu sau khi xưng tội và trước khi nhận Cửa Ăn Đàng.

75. Số lần xức dầu sẽ tùy nghi thực hiện, và các lời nguyện đọc trong nghi thức xức dầu bệnh nhân phải được duyệt lại sao cho thích ứng với từng trường hợp của bệnh nhân khi nhận lãnh bí tích này.

76. Các Nghi lễ Phong chức phải được duyệt lại cả về nghi thức lẫn bản văn. Những lời huấn dụ của Đức Giám mục ở đầu mỗi nghi lễ phong chức hay tấn phong có thể dùng tiếng bản địa.

Trong Nghi lễ Tấn phong Giám mục, tất cả các Giám mục hiện diện đều có thể đặt tay.

77. Nghi lễ cử hành Hôn phối, hiện có trong sách Nghi lễ Rôma, phải được duyệt lại và làm cho phong phú hơn, để ân sủng của bí tích này được biểu hiện rõ ràng hơn và nhấn mạnh nhiều hơn về bổn phận của hai vợ chồng.

“Nếu ở miền nào có những tập tục và nghi lễ xứng đáng khác trong khi cử hành bí tích Hôn phối, thì thánh Công Đồng tha thiết mong ước họ cứ giữ nguyên những tập tục và nghi lễ đó”¹.

Ngoài ra, thẩm quyền Giáo Hội địa phương, như đã nói trong số 22 §2 của Hiến chế này, có quyền soạn thảo, theo qui tắc trong số 63, một nghi lễ riêng, thích hợp với tập quán của các địa phương và các dân tộc, nhưng phải duy trì việc linh mục chủ sự phải hỏi và nhận lời ưng thuận của hai người kết ước.

¹ CD TRENTÔ, khóa XXIV, 11.11.1563, Sắc lệnh *De Reformatione*, ch. 1: Concilium Tridentinum, xb. Soc. Goerresianae, IX. *Actorum* phần VI, Friburgi Brisgoviae 1924, tr. 969; x. *Rituale romanum*, tiết VIII, ch. II, số 6.

78. Theo thường lệ, Hôn phối phải cử hành trong thánh lễ, sau bài Phúc Âm và bài giảng và trước “lời nguyện giáo dân”. Lời nguyện cho người vợ phải được tu chỉnh hợp thời để nhấn mạnh đến việc cả hai vợ chồng cùng có bốn phận phải trung tín với nhau, lời nguyện này có thể đọc bằng tiếng bản địa.

Nhưng nếu bí tích Hôn phối cử hành ngoài thánh lễ, thì phải đọc bài Thánh Thư và Tin Mừng của Lễ Hôn phối trước khi bắt đầu nghi lễ và luôn luôn phải chúc lành cho đôi tân hôn.

79. Phải duyệt lại các á bí tích, chú ý tới các qui tắc căn bản này, là làm sao cho các tín hữu dễ dàng tham dự cách ý thức và tích cực, và cũng phải lưu tâm tới những nhu cầu của thời đại hiện nay. Trong khi duyệt lại các nghi thức theo qui tắc trong số 63, cũng có thể thêm các á bí tích mới tùy theo nhu cầu đòi hỏi.

Sẽ có rất ít các nghi thức làm phép dành riêng, và khi đó chỉ ưu tiên cho các Giám mục và các Đấng Bản Quyền.

Phải dự liệu để những giáo dân nào có đủ các đức tính thích hợp, có thể cử hành một vài á bí tích, ít là trong những hoàn cảnh đặc biệt và tùy theo sự xét định của Đấng Bản Quyền.

80. Phải duyệt lại Nghi lễ Thánh hiến các Trinh nữ, đã có trong Sách Nghi lễ Giám mục Rôma.

Ngoài ra, phải soạn thảo một nghi lễ khấn dòng và tuyên lại lời khấn sao cho có tính cách duy nhất hơn, đơn giản hơn và trang trọng hơn. Những ai tuyên khấn hay lập lại lời khấn trong thánh lễ, phải dùng nghi thức này, trừ khi có đặc quyền riêng.

Nên cử hành nghi thức khấn dòng trong thánh lễ.

81. Nghi lễ an táng phải diễn tả rõ ràng hơn tính cách vượt qua của cái chết Kitô giáo, và phải đáp ứng hơn nữa những hoàn cảnh và truyền thống của từng miền, ngay cả về màu sắc Phụng vụ.

82. Phải duyệt lại nghi lễ an táng trẻ em và lập một thánh lễ riêng.

[Còn tiếp](#)

[VỀ MỤC LỤC](#)

HOÁN CẢI LÀ ĐỂ CHO CHÚA GIÊSU DẪN TA ĐI TRÊN CON ĐƯỜNG CỦA NGÀI

Đức Thánh Cha Phanxicô gợi ý rằng chúng ta nên biến Chúa nhật này thành “**Chúa nhật Lời Chúa**”. Lời Chúa phải được công bố khi thuận lợi cũng như khi không thuận lợi, “*Phải rao giảng Lời, lúc thuận cũng như lúc nghịch*” (2Tm 4,1-2). Chúa muốn mọi người được hoán cải và được cứu độ. Tất cả chúng ta đều được sai đi làm sứ giả của tin mừng này, “*Làm sao kêu lên với Đấng mà người ta không tin ? Làm sao tin Đấng mà người ta không được nghe ? Làm sao*

mà nghe, nếu không có người rao giảng ? Làm sao mà rao giảng, nếu người ta không được sai đi.” (Rm 10,14-15). “Hãy đến với muôn dân” (Mt 28,19). Nhiệm vụ của chúng ta không phải là làm cho mọi người tin tưởng mà là **nói và làm chứng**, Nhưng chúng ta không được quên rằng Chúa ở đó, “Thầy sẽ ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế” (Mt 28,20). **Chính Ngài là người hành động trong lòng những ai nghe Lời Ngài.**



Công đồng Vaticanô trong Hiến chế tín lý về mạc khải nói thêm: “**Lời Chúa có một sức mạnh và quyền năng có thể nâng đỡ và tăng cường Giáo hội, là lương thực linh hồn, nguồn sống thiêng liêng, tinh tuyền và trường cửu cho con cái Giáo hội**” (MK 21).

Đức Gioan Phaolô II, trong *Thông điệp Ngàn năm thứ ba đang đến*, đã nói: “**Đặc biệt, việc lắng nghe lời Chúa phải trở thành một cuộc gặp gỡ sống động**, một hành động cho phép kín múc trong bản văn Kinh thánh lời sống động chất vấn, định hướng, tạo thành cuộc sống của ta” (số 39).

Đức Bênêđictô XVI đã nói trong bài Diễn từ trong Đại hội Quốc tế về Kinh thánh, ngày 16/9/2005 “**Việc miệt mài đọc Kinh thánh có cầu nguyện đi kèm, thực hiện cuộc đối thoại thân mật**, trong đó, khi đọc như vậy, người ta lắng nghe Thiên Chúa nói, và khi cầu nguyện, người ta đáp lại Ngài với lòng tín thác mở rộng”.

Trong thư Thánh Giacôbê chúng ta đọc được những lời này về lời Chúa: “**Người đã tự ý dùng Lời chân lý mà sinh ra chúng ta, để chúng ta nên như của đầu mùa trong các thọ tạo của Người... Vì vậy, anh em hãy giữ sạch mọi điều ô uế và mọi thứ độc ác còn lan tràn; hãy khiêm tốn đón nhận lời đã được gieo vào lòng anh em; lời ấy có sức cứu độ linh hồn anh em. Anh em hãy đem Lời ấy ra thực hành, chứ đừng nghe suông mà lừa dối chính mình. Thật**

vậy, ai lắng nghe Lời Chúa mà không thực hành, thì giống như người soi gương thấy khuôn mặt tự nhiên của mình. Người ấy soi gương rồi đi, và quên ngay không nhớ mặt mình thế nào. Ai thiết tha và trung thành tuân giữ luật trọn hảo - luật mang lại tự do -, ai thi hành luật Chúa, chứ không nghe qua rồi bỏ, thì sẽ tìm được hạnh phúc trong mọi việc mình làm.” (Giacôbê 1,18.21-25).

Đây là những gì xảy ra với Giônã (3: 1-5, 10). Ông được gửi đến Ninivê, thành phố lớn của thế giới ngoại đạo cứng đầu cứng cổ nhất và xa cách Thiên Chúa nhất. Lời ông công bố là một sứ điệp hủy diệt: **“Còn bốn mươi ngày nữa, Ninivê sẽ bị phá đổ”** (Giônã 3: 4) Giônã nghĩ rằng mình sẽ chứng kiến sự tàn phá của thành phố này, **“Ông Giônã ra ngoài thành và ngồi ở phía đông thành. Ở đó, ông làm một cái lều, rồi ngồi bên dưới, trong bóng mát, để xem cái gì sẽ xảy ra trong thành”** (Giônã 4: 5). Nhưng dân chúng đã hối cải; họ đã quay lưng lại với hành vi xấu xa của họ, **“Dân Ninivê tin vào Thiên Chúa, họ công bố lệnh ăn chay và mặc áo vải thô, từ người lớn đến trẻ nhỏ. Tin báo đến cho vua Ninivê ; vua rời khỏi ngai, cởi áo choàng, khoác áo vải thô, và ngồi trên tro”** (Giônã 3: 5-6). **Đó là cách Thiên Chúa hành động trong lòng những người nghe lời Giônã, “Thiên Chúa thấy việc họ làm, thấy họ bỏ đường gian ác mà trở lại, Người hối tiếc về tai họa mà Người đã tuyên bố sẽ giáng trên họ, Người đã không giáng xuống nữa.”** (Giônã 3: 10).

Giống như Giônã, chúng ta đang sống trong một thế giới mà nhiều người đã quay lưng lại với Thiên Chúa. **Chúng ta được kêu gọi như những sứ giả, không phải để thông báo về sự hủy diệt của họ nhưng để làm chứng cho tình yêu có nơi Thiên Chúa.** Thiên Chúa không muốn chúng ta bắt chước và làm theo Giônã, dù Giônã có lý và tỏ ra có lý, dám “cãi lý” với Thiên Chúa, **“Ông Giônã bực mình, bực lắm, và ông nổi giận. Ông cầu nguyện với Đức Chúa và nói : “Ôi, lạy Đức Chúa, đó chẳng phải là điều con đã nói khi còn ở quê nhà sao? Chính vì thế mà con đã vội vàng trốn đi Tácsít. Thật vậy, con biết rằng Ngài là Thiên Chúa từ bi nhân hậu, chậm giận và giàu tình thương, và hối tiếc vì đã giáng họa. Giờ đây, lạy Đức Chúa, xin Ngài lấy mạng sống con đi, vì thà con chết còn hơn là sống !”** (Giônã 4: 2-3). Thiên Chúa muốn chúng ta sống ngay thẳng, nói những lời thẳng thắn xuất phát từ lòng dạ chân thành của chúng ta, như Giônã, **“Thiên Chúa hỏi ông Giônã : “Người nổi giận vì cây thầu dầu, như thế có lý không ?” Ông trả lời: “Con có lý để nổi giận đến chết được!”** (Giônã 4: 9). Nhưng biết buông bỏ “cái lý do lý trấu” của “cái tôi riêng mình” lại là điều kiện tiên quyết để có thể “ngộ ra” ý nghĩa đích thực và lòng thương xót của Thiên Chúa trong Lời Chúa dạy bảo, điều mà Giônã ngày xưa và phần lớn chúng ta ngày nay phải vất vả chiến đấu với chính mình mới dần dần hiểu được: **Ồ! Hóa ra là thế! “Đức Chúa phán : “Người, người thương hại cây thầu dầu mà người đã không vất vả vì nó, và không làm cho nó lớn lên; trong một đêm nó đã sinh ra, rồi trong một đêm lại chết đi. Còn Ta, chẳng lẽ Ta lại không thương hại Ninivê, thành phố lớn, trong đó có hơn một trăm hai mươi ngàn người không phân biệt được bên phải với bên trái, và lại có rất nhiều thú vật hay sao?”** (Giônã 4: 10).

Lý lẽ nguyên khởi chính là Lời của Thiên Chúa, là Ngôi Lời, là Logos - λόγος, “Lúc khởi đầu đã có Ngôi Lời. Ngôi Lời vẫn hướng về Thiên Chúa, và Ngôi Lời là Thiên Chúa” (Gioan

1:1) và đồng thời cũng là **Lời mặc khải Tình yêu**, là *Agape* - ἀγάπη, “**Thiên Chúa là tình yêu**” (1Gioan 4, 16).

Giôna dù đã biết “*rằng Ngài là Thiên Chúa từ bi nhân hậu, chậm giận và giàu tình thương, và hối tiếc vì đã giáng họa*” nhưng ông không thể ngờ rằng Thiên Chúa lại hành động trái ngược với những “*lời tuyên cáo Ta sẽ truyền cho ngươi*” (Giôna 3: 2) và xem ra như phũ phàng công sức ông đã bỏ ra làm theo Lời Chúa, “*Ninivê là một thành phố cực kỳ rộng lớn, đi ngang qua phải mất ba ngày đường. Ông Giôna bắt đầu vào thành, đi một ngày đường và công bố: “Còn bốn mươi ngày nữa, Ninivê sẽ bị phá đổ”*” (Giôna 3: 3-4). **Hôm nay, tôi cũng vậy, tôi cứ nghĩ rằng Thiên Chúa phải thực hiện những gì Ngài sai tôi đi rao truyền và công sức tôi bỏ ra cần phải mang lại hoa trái như Chúa đã nói. Tôi làm việc của Chúa nhưng nhiều khi tôi nghĩ đến “cái tôi” nhiều hơn là nghĩ đến tinh thần cốt tủy của Lời Chúa: Yêu thương cứu độ. Tôi đã quên rằng “Tôi trồng, anh Apôlô tưới, nhưng Thiên Chúa mới làm cho lớn lên. Vì thế, kẻ trồng hay người tưới chẳng là gì cả, nhưng Thiên Chúa, Đấng làm cho lớn lên, mới đáng kể.”** (1 Cr 3: 6-7). Tôi cũng quên rằng Giáo Hội luôn dạy tôi: *Veritas in Caritate* – Sự thật trong yêu thương, “**Sống theo sự thật và trong tình bác ái, chúng ta sẽ lớn lên về mọi phương diện, vươn tới Đức Kitô vì Người là Đầu.**” (Êphêso 4: 15).

Thiên Chúa là Thiên Chúa của vũ trụ trời đất trong đó có cả những người xa lạ với tôi. Sự hiện diện của Ngài không giới hạn chỉ ở một địa điểm, một quốc gia hay một tôn giáo. Những người mà chúng ta nghĩ là người ngoại giáo đôi khi sẵn sàng lắng nghe Lời Chúa hơn chúng ta. Những người xa cách Hội Thánh vẫn có thể, một lúc nào đó, quyết định hối cải theo Chúa Giêsu Kitô. **Đây là cách Thiên Chúa hoạt động trong lòng những ai nghe Lời Ngài.**

Tin Mừng cho chúng ta thấy Chúa Giêsu rao giảng về Nước Thiên Chúa. Tất cả bắt đầu ở Galilê, một khu vực được cho là không có gì tốt đẹp xuất hiện ở đó, một khu vực đã trở thành ngã tư cho những người ngoại giáo, một vùng đất của bóng tối và đòi trụ. Giống như Giôna, Chúa Giêsu đi đến nơi diệt vong này. **Nhưng thay vì thông báo về thảm họa, Ngài lại kêu gọi khẩn cấp: “Thời kỳ đã mãn, và Triều Đại Thiên Chúa đã gần đến, hãy ăn năn sám hối và tin vào Tin Mừng”** (Mc 1: 15). Trong Chúa Giêsu, chính Thiên Chúa đến gặp chúng ta để cứu chúng ta. Ngài “**chẳng vui gì khi kẻ gian ác phải chết, nhưng vui khi nó thay đổi đường lối để được sống.**” (Êdêkien 33: 11). Thiên Chúa, qua Chúa Kitô, muốn truyền đạt tình yêu của Ngài cho chúng ta; **Ngài yêu cầu chúng ta loại bỏ tất cả những chướng ngại vật làm chúng ta chệch hướng khỏi Ngài.**

Để đốt lên ngọn lửa soi sáng và sưởi ấm thế giới, Chúa Giêsu kêu gọi các môn đệ. Ngài không chọn họ trong số những người có chức quyền địa vị nơi đền thánh Giêrusalem nhưng trong số những ngư dân chất phác mộc mạc. Những người ngư phủ này được kêu gọi ngay khi họ đang làm công việc mưu sinh của họ, đang khi họ kiếm ăn bằng cái nghề được gầy dựng qua bao đời, bởi tổ tiên cha ông của họ, mà bây giờ họ tiếp nhận theo phương thức “tổ nghề”, cha truyền con nối, phải sống chết với “gia sản truyền đời” đó..., thế mà họ buông bỏ mọi thứ... và bắt đầu theo Chúa Giêsu, một con người có lẽ trước đó họ đã nghe nói tới, nhưng có lẽ không

đủ nhiều để có thể gọi là thân quen để dứt khoát và hăng hái đi theo như vậy. “*Ông làm nghề gì ? Ông từ đâu đến, quê ở nước nào, và thuộc dân nào ?*” (Giôna 1: 8), những câu hỏi mà thủy thủ trên con tàu chở Giôna ngày xưa hẳn cũng là những câu hỏi nảy sinh trước tiên trong đầu những người làm nghề đánh cá này. Và “Lo mà làm ăn đi! Đừng để ý đến những chuyện bao đồng ngoài kia!” có lẽ là lời cảnh báo mà cha của Anrê, Simon, Giacôbê và Gioan đã nói với các ông lúc đó. Thế nhưng các ông đã bỏ hết mọi sự mà theo Chúa Giêsu. “**Hãy theo tôi**” (Mc 1, 14-20). Điều gì đã làm cho các ông quyết tâm đến thế, quyết ra đi, bỏ lại tất cả những người thân yêu, những sinh hoạt đã thành thói quen, một đời sống bình lặng và an toàn?

Đây không phải đoạn Tin Mừng chỉ nói về ơn gọi của các linh mục tu sĩ. Đây là đoạn Tin Mừng nói về ơn gọi của tất cả mọi Kitô hữu. Chúa Giêsu vẫn luôn luôn bước đi dọc theo cuộc đời của mỗi người chúng ta như xưa Ngài đã đi dọc theo biển hồ Galilê. **Ngài nhận ra ta và muốn gặp ta trước khi ta nhận ra Ngài như Ngài đã nhận ra bốn môn đệ xưa, nhận ra và chấp nhận trọn vẹn con người của các ngài và của ta, với những yếu đuối, tội lỗi và cả những tiềm năng mà chỉ tình yêu sâu sắc và quyền năng vô biên của Ngài mới có thể biến ta thành một con người được thấu hiểu trọn vẹn, được thương yêu đích thực, được nâng dậy mạnh mẽ, đến độ ta sẽ không còn tiếc xót gì nhưng, trái lại, vui mừng cương quyết theo Ngài.** Đây cũng là điềm báo cho những ai theo Chúa Kitô sẽ vui mừng được thấy Chúa đích thực sau này “*Các môn đệ vui mừng vì được thấy Chúa*” (Gioan 20:20). Thật ra mỗi người chúng ta đã được Thiên Chúa thấy trước rồi, “*Trước khi tạo thành người trong lòng mẹ, Ta đã biết người, và trước khi người ra khỏi lòng mẹ, Ta đã hiến thánh người*” (Giêrêmia 1: 4). Lúc Ngài thấy ta thì ta vẫn không hay biết. Ta vẫn loay hoay với cuộc đời kiếm sống, quăng chài hay vá lưới, nhưng liệu trong đáy lòng, ta vẫn âm thầm khát khao Thiên Chúa không?

Vẫn “**đi tìm Thiên Chúa... đi tìm đường đi trong thế giới hữu hình...và qua thế giới hữu hình, con người đi tìm cái vô hình trong cuộc hành trình thiêng liêng của mình.** Mỗi người trong chúng ta có thể nói lại những lời sau đây của thánh vịnh 27: “*Lạy Chúa, con đi tìm nhan thánh Chúa; xin đừng ẩn mặt xa con*” (TV 27/26,8-9). **Mỗi người trong chúng ta có một lịch sử cá nhân riêng và có mang trong mình ước vọng muốn thấy nhan Thiên Chúa, một ước vọng mà người ta cảm thấy cùng đồng thời với việc khám phá thế giới tạo vật. Thế giới này đầy những điều kỳ diệu và phong phú. Nó mở ra trước nhân loại những sự phong phú vô số kể của nó, nó thu hút, lôi kéo lý trí cũng như ý chí. Nhưng cuối cùng, nó không thể nào thỏa mãn tinh thần con người được. Con người ý thức rằng, thế giới này, với những phong phú khác biệt của nó, mang tính cách hời hợt và mỏng dòn; theo một nghĩa nào đó, thế giới này hướng đến sự chết.**” (Bài Giảng của ĐTC Gioan Phaolô II trong thánh lễ Bế Mạc Ngày Quốc Tế Giới Trẻ, sáng chúa nhật 24/8/97, tại thủ đô Paris).

Có thể trong tâm thế khắc khoải kiếm tìm “lẽ sống” như thế, lời kêu gọi của Chúa Giêsu, cùng buổi gặp gỡ với Ngài, đã đánh động sâu xa đến Anrê, Simon, Giacôbê và Gioan khiến các ông quyết định bắt đầu một cuộc hành trình lớn lao, hành trình trong tình

yêu của Thiên Chúa qua con người Giêsu. Các ông đón nhận Tin Mừng của Chúa Giêsu và rồi cả cuộc đời của các ông nhờ Tin Mừng đó mà được biến đổi.

Giống như Giôna, như các tông đồ Anrê, Simon, Giacôbê và Gioan, tất cả chúng ta đều được Thiên Chúa kêu gọi. **Mọi Kitô hữu đều được mời gọi đi theo Chúa Giêsu, không phải đi theo một lý tưởng, một ý thức hệ nhưng theo chính con người của Ngài, gắn bó với Ngài, nhận Ngài là nền tảng và chóp đỉnh của cuộc sống.** Là những Kitô hữu đã nhận lãnh bí tích thánh tẩy và thêm sức, chúng ta được sai đi để mạnh mẽ và dứt khoát trở thành chứng nhân loan báo Tin Mừng, loan báo Lời Chúa, là Lời phát sinh niềm vui, an bình và hy vọng, cho bất cứ ai ta gặp gỡ trên đường đời.

Chúa Kitô không dạy chúng ta hủy hoại kiếp người, nhưng Ngài ước mong chúng ta quyết tâm phó thác đời mình cho Ngài một cách xác tín để “gặp gỡ Đức Kitô biến đổi cuộc đời mình”, bước theo con đường Ngài đã và còn đang đi nơi trần thế này “Tôi còn có những chiến khác không thuộc ràn này. Tôi cũng phải đưa chúng về. Chúng sẽ nghe tiếng tôi. Và sẽ chỉ có một đoàn chiến và một mục tử” (Gioan 10: 16).

Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II viết cho giới trẻ: *“Hỡi các bạn trẻ, bạn của Cha, ước chi sự hiện diện của chúng con nơi đây là một sự gắn bó thật thực sự với Chúa trong đức tin. Vì đây Chúa Kitô trả lời cho câu hỏi của chúng con, vừa đồng thời trả lời cho những câu hỏi khác của tất cả mọi người đang đi tìm Thiên Chúa hằng sống. Ngài trả lời với lời mời gọi: Đây là Mình Ta, hãy cầm lấy mà ăn. Ngài trao phó cho Thiên Chúa Cha ước nguyện tối cao của Ngài dành cho tất cả những ai mà Ngài yêu mến, đó là được hiệp nhất với nhau trong cùng một sự hiệp thông.”* (Bài Giảng của ĐTC Gioan Phaolô II, đã dẫn trên).

Chúng ta được sai đi cùng nhau, hiệp thông với nhau và với Chúa Kitô. **Lời mời gọi này được nhắc nhở ngay giữa tuần cầu nguyện cho sự hiệp nhất các Kitô hữu. Sự hiệp nhất này là hoàn toàn cần thiết cho chứng từ mà chúng ta phải trao ban. Nếu chúng ta chia rẽ, chứng từ đó không thể thực hiện được.** Chính khi các Kitô hữu tập hợp chung quanh Chúa Giêsu, được giúp đỡ để gặp gỡ, cầu nguyện cùng nhau và đến gần với Chúa Kitô hơn, mà sự hiệp nhất của các môn đệ được xây dựng.

*Xin Chúa giúp chúng con biết đến tập hợp trong nhà Chúa và cùng nhau kín múc nguồn mạch Tình yêu, một Tình Yêu chỉ có nơi Thiên Chúa, để chúng con được nuôi dưỡng bằng Lời và Thánh Thể của Chúa. Xin Chúa ban cho chúng con sức mạnh và lòng can đảm để thực hiện sứ mệnh mà Chúa đã giao phó cho chúng con. **Lạy Chúa là Tình Yêu Vĩnh Cửu, xin hãy đặt Thánh Thần Tình Yêu của Chúa, là Ánh sáng thế gian, vào trong bóng tối chia rẽ của chúng con. Amen.***

Phêrô Phạm Văn Trung.

[VỀ MỤC LỤC](#)

CHÚA NHẬT III B THƯỜNG NIÊN

Gn 3:1-5, 10; 1Cr 7:29-31; Mc 1:14-20

Bác sĩ Nguyễn Tiến Cảnh, MD



Nếu so sánh thì bài đọc tiên tri Giona (Gn 3:1-5,10) tương tự như bài Tin Mừng Luca nói về việc Simon Phero nghe lời Chúa thả lưới nên bắt được rất nhiều cá lớn (Lc 5:4-7) Giona đã được Thiên Chúa ủy quyền mang lời cảnh báo đến dân thành Ninive thuộc miền Assyria và đã thành công. Nói cách khác, những ai đã từng nghe và chứng kiến cảnh tượng này với con mắt đức tin thì phải hiểu câu chuyện Giona này sâu xa hơn. Ý chính không phải là kích thích con cá, cũng không phải diện tích rộng lớn của thị trấn hay số người từ bỏ tội lỗi trở lại đường ngay nẻo chính, mà là phải **giữ vững niềm tin** khi rao truyền Lời Chúa.

Đối với những người có niềm tin thì câu chuyện Giona có một ý nghĩa sứ điệp rất sâu xa. Dân Ninive đã ăn năn thống hối và từ bỏ con đường tội lỗi nên Chúa đã nghĩ lại, rút lời chúc dữ, không trừng phạt dân thành nữa. Xem vậy, chẳng có ai, một nơi nào hay tình trạng nào mà không được Chúa đoái thương nhìn đến và chữa lành, tha thứ nếu thực tâm ăn năn thống hối vì tội lỗi của mình.

Kito giáo đã coi Giona là một hình ảnh tích cực của chúa Kito và sứ điệp Tin Mừng của Người. Qua chúa Kito, Thiên Chúa tiếp cận với thế giới theo một cách thức mới rõ ràng và nhất định để hoàn thành những mong đợi và hy vọng đã nói trong Cựu Ước.

ĂN NĂN THỐNG HỐI VÀ THỜ LẠY CHÚA

Khi các môn đệ bỏ thuyền, bỏ lưới, bỏ nhà cửa, nghề nghiệp, cha mẹ và bạn bè để theo Chúa (Mc 1:14-20) thì các ngài đã hiểu là sẽ nhận được cái gì. Chúng ta mang Tin Mừng của Thiên Chúa và của đức Giesu Kito đến các thị trấn, làng mạc, cộng đồng của chúng ta thế nào khi mà phạm vi của chúng quá rộng lớn lại không đồng nhất và bận rộn, ồn ào suốt ngày đêm?

Có khi nào chúng ta lại không tìm kiếm “*một đường lối khác*” để qua sông hay ra khơi mà lại dùng thuyền đồ để đến một nơi vắng vẻ yên tĩnh ít phiền toái và đối nghịch với sứ mạng của chúng ta không? Làm sao chúng ta có thể trở thành linh hồn, trọng tâm của thị trấn và của cộng đồng chúng ta?

Chúa đã dạy: Hãy thờ lạy Chúa với hết tâm hồn và lòng yêu mến. Hãy cầu nguyện liên lỉ. Hãy tiếp tục ăn chay hãm mình thống hối một cách kín đáo từng ngày và suốt đời trong thinh lặng và vui vẻ. Hãy thực hành tám mối phúc thật hàng ngày, đừng bao giờ bỏ sống Lời Chúa và chia sẻ cho tha nhân bằng lời nói và việc làm.

HÃY GIỮ VỮNG NIỀM TIN

Chúng ta thường nghĩ rằng giảng Lời Chúa quá buồn tẻ, chẳng ai muốn nghe, và người nghe đôi khi lại cho mình là giả hình nhân đức, dở hơi! Chúa Giesu đôi lúc chắc cũng có cảm tưởng như vậy. Có ai thực sự lắng nghe Lời Chúa không? Ngày 25 tháng này là ngày Lễ thánh Phaolo trở lại. Ngài là tông đồ dân ngoại, phải chăng ngài cũng nản chí bỏ cuộc không muốn giảng Tin Mừng cho dân ngoại?

Công Vụ Tông Đồ ghi, khi Phaolo trở lại Corinto thì nhiều người đã nghe biết và tin ngài rồi tìm đến ngài và xin chịu phép rửa. Ngài đã nói với cộng đồng Corinto lời Chúa nhắn nhủ ngài qua giấc ngủ: “*Đừng sợ, hãy cứ nói, đừng thinh lặng nữa vì Ta luôn luôn ở với người, không ai có thể hãm hại được người, vì trong thành này còn có nhiều dân ta.*”(Cv 18:8-10).

NĂM THÁNH PHAULO

Một trong những hy vọng lớn và mục đích của Giáo Hoàng Biển Đức XVI khi ngài tuyên bố Năm Thánh Phaolo vào tháng 6 năm 2008 là mọi người Công Giáo nam cũng như nữ phải tự vấn mình: “*Tôi có xác nhận và cương quyết rao truyền Niềm Tin Công Giáo như thánh Phaolo không?*”

Niềm tin của chúng ta chỉ có thể lớn mạnh và nảy nở khi chúng ta có ý thức đầy đủ và hết lòng chia sẻ với mọi người. Chúa Kito sẽ nhìn mỗi chúng ta với ánh mắt khoan dung triu mến

mỗi khi chúng ta xét đoán đúng đồng thời Người sẽ hỏi chúng ta đã làm gì để mời gọi mọi người gia nhập cộng đồng của chúa Giesu và Giáo Hội? Cuối cùng Chúa sẽ hỏi chúng ta: “*Con có yêu Thầy không? Con đã rao truyền Tin Mừng Chúa cho những ai? Con đã mang lại được bao nhiêu người đi theo với con?*”.

NHIỆM VỤ TỐI HẬU LÀ RAO TRUYỀN LỜI CHÚA.

Chúa Giesu Kito đòi hỏi chúng ta cái gì ở thời đại ngày nay? Ăn năn thống hối, cải tà qui chính, suy nghĩ tìm ra những phương cách điều hành Nước Trời, phải thế này thế nọ. Chưa đủ, hãy tin vào giảng huấn và gương mẫu của Chúa Kito về vương quốc Thiên Chúa đang ở giữa chúng ta. Nhiệm vụ tối hậu của chúng ta là rao giảng Lời Chúa.

Chớ gì Lửa Chúa Thánh Thần đổ vào lòng thánh Phaolô hun nóng tâm can chúng ta, biến chúng ta thành những nhà truyền giáo đắc lực sáng ngời trong suốt cuộc đời chúng ta. Chớ gì Chúa Thánh Thần đẩy mạnh niềm tin chúng ta để chúng ta không bao giờ bị khuất phục, nhất là những lúc chẳng có ai muốn lắng nghe chúng ta. Những lúc như vậy, Thiên Chúa sẽ nói với chúng ta: “*Đừng sợ! Hãy nói lên, đừng yên lặng nữa. Ta đang ở với con, không ai có thể hãm hại con được, vì trong thành, trong cộng đồng còn có rất nhiều người của ta*” (Cv 18:9-11).

Fleming Island, Florida

January 2021

NTC

VỀ MỤC LỤC

TÔNG ĐỒ GIÁO DÂN: “ĐẾN MÀ XEM”

Lm. Giuse Phan Quang Trí, O.Carm.

Rôma, 16/01/2021.

Nhân ngày lễ Chúa Giêsu Chịu Phép Rửa vừa qua, Đức Thánh Cha Phanxicô đã ban hành một tự sắc mới mang tên *Spiritus Domini* (Thần Trí của Đức Chúa) để thay đổi điều khoản số 230 trong Bộ Giáo Luật hiện hành. Theo đó kể từ nay, trong Hội Thánh, không chỉ có nam giới mà cả những người nữ hội đủ các điều kiện cần thiết đều có thể lãnh nhận tác vụ đọc sách và giúp lễ. Đây không hẳn là một “bước đột phá” trong quản trị mục vụ của Đức Phanxicô như một số người từng nhận xét, vì thực ra kể từ Công Đồng Vaticanô II, giáo huấn chính thức của các vị Giáo Hoàng đều xác nhận và đề cao vai trò của giáo dân nói chung và phụ nữ nói riêng trong các

sinh hoạt chung của cộng đồng dân Chúa. Đó là chưa kể lịch sử còn cho thấy ơn gọi tông đồ giáo dân vốn đã xuất hiện và góp phần đáng kể vào sự phát triển lớn mạnh của Hội Thánh ngay từ buổi sơ khai (x. Cv 11, 19-21; 18, 26; Rm 16, 1-16; Ph 4, 3)[1]. Ngày nay, không chỉ trên phương diện lý thuyết mà trong thực hành cũng thế, hình ảnh người nữ giáo dân tham dự tích cực vào các cử hành phụng vụ qua thừa tác vụ đọc sách, trao Mình Thánh Chúa và phục vụ bàn thánh vốn là khá quen thuộc đối với rất nhiều người trong chúng ta. Vậy thì đâu là ý nghĩa thực sự của việc ban hành Tự Sắc ngày 11 tháng Giêng vừa qua? Và chúng ta nên đón nhận biến cố này như thế nào?

Ơn Canh Tân của Thần Khí Sáng Tạo

Thấm đượm tinh thần canh tân của Công Đồng Vaticanô II, Đức Thánh Cha Phanxicô đã và đang nỗ lực cổ vũ cho một Giáo Hội hiệp thông trong đức tin, đồng trách nhiệm trong sứ mạng loan báo Tin Mừng và kiên tâm làm chứng cho lòng thương xót của Chúa nơi trần gian. Qua Tự Sắc *Spiritus Domini*, vị cha chung của Giáo Hội hoàn vũ tái xác nhận vai trò không thể thay thế của thừa tác vụ giáo dân và tha thiết kêu gọi mọi thành phần dân Chúa hợp tác với nhau cách tích cực hơn trong sứ vụ dẫn thân loan báo Tin Mừng cho thế giới ngày nay[2].

“Ơn gọi làm Kitô Hữu thực chất cũng chính là ơn gọi làm tông đồ”, sắc lệnh về tông đồ giáo dân *Apostolicam Actuositatem* đã quả quyết như vậy (AA, #2). Nhờ hiệu quả của bí tích Thanh Tẩy, người Kitô Hữu được thông dự vào chức vụ tư tế, ngôn sứ và vương đế của Đức Kitô (LG, #31). Do đó cho dù có khác nhau về bậc sống và ơn gọi, mọi tín hữu đều có chung một bổn phận đó là làm sao để hết mọi người trên khắp hoàn cầu nhận biết và đón nhận Tin Mừng cứu độ của Thiên Chúa (x. AA, #2). Sứ mạng truyền giáo là sứ mạng chung và là trách nhiệm trước hết mà mỗi phần tử Hội Thánh cần phải dốc tâm thi hành. Đang khi đó, không phải tất cả giáo dân đều được chuẩn bị thích đáng để có thể gánh vác nhiệm vụ cao cả này. Dưới ánh sáng Lời Chúa của Phụng vụ Thánh lễ Chúa Nhật II mùa Thường Niên, chúng ta khám phá ra ý nghĩa cao quý của ơn Thiên Chúa kêu gọi mỗi người chúng ta. Đồng thời chúng ta cũng học biết được những bí quyết quan trọng giúp cho việc thi hành sứ mạng truyền giáo của chúng ta trở nên hiệu quả hơn.

“Đến mà xem”: Lời mời gọi của Chúa.

Là một trong hai môn đệ đầu tiên được Chúa Giêsu kêu gọi, Thánh Gioan Tông Đồ thuật lại cho chúng ta những kinh nghiệm quý báu liên quan đến cuộc gặp gỡ định mệnh xảy ra ngày hôm ấy (x. Ga 1, 36-42). Gioan đâu đã quên lời đầu tiên Chúa nói với ông và người bạn đồng môn tên là Andrê: “Này, các anh tìm gì?” Chúa muốn các ông xác định rõ điều các ông muốn và công khai bày tỏ động cơ tiềm ẩn đằng sau hành vi của các ông. Tin Mừng nói rõ là cả hai ông, chứ không chỉ có Gioan, đáp lại: “Thưa Thầy, Thầy ở đâu?” (Ga 1, 38) Câu nói này cho thấy các ông không đi theo Chúa chỉ vì tò mò nhưng vì các ông khao khát tìm hiểu về Chiên Thiên Chúa, về Đấng xóa tội trần gian. Chúa không những đáp ứng nguyện vọng của các ông mà còn đẩy các ông đến chỗ phải đưa ra quyết định, một quyết định vô cùng quyết liệt: “Đến mà xem” (Ga 1,

39). Để nhận biết Chúa Giêsu, chúng ta không thể hài lòng với việc “nghe kể lại” hay “nghe tường thuật” về Ngài mà thôi, nhưng phải dứt khoát chọn lựa, *đến* hay *không đến* với Chúa.

“Đến mà xem” là lời mời, là lời ngỏ dành cho những ai có ý định theo Chúa. Chúa Giêsu không hề tỏ ý thúc ép bất cứ ai phải theo Ngài. Nhưng đối với Chúa, tất cả rất rõ ràng: Một là theo hai là không. Đã chấp nhận theo Chúa thì phải “đến với” Chúa. Không có cái gọi là “môn đệ từ xa”. Môn đệ của Đức Kitô là những người khát khao được ở *gần* Ngài; *gần* trong thâm tâm, trong tư tưởng, trong chí hướng, trong lời nói và nhất là trong hành động. “Đến mà xem” do đó là lời mời gọi mà cũng có thể được coi là tiêu chuẩn đánh giá thiện chí của người môn đệ. Gioan và Andrê không những theo Chúa về đến tận nơi Ngài ở mà còn “ở lại với Ngài ngày hôm ấy” (Ga 1, 39). Hành động “ở lại” dường như diễn tả một điều gì khác còn sâu xa hơn. Phải chăng đó là mối tương quan thẩm thiết tình nghĩa thầy trò, mối tương quan đậm nét “thuộc về”. Danh xưng “Kitô Hữu” là một thí dụ điển hình về mối tương quan nhiệm mầu này, vì trong Phép Rửa Tội, chúng ta được Chúa Thánh Thần biến đổi cho trở nên những phần tử “thuộc về Đức Kitô” (1 Cr 3, 23) hay nói rộng hơn là chúng ta thuộc về Thiên Chúa (x. 1 Ga 3, 24).

Chúa Giêsu không chỉ mời Gioan và Andrê *đến* cho biết nơi người cư ngụ nhưng còn khuyến khích các ông mở to mắt ra mà *xem*. Phải chăng Chúa đang bày tỏ cho những kẻ đi theo Ngài và cho cả chúng ta thấy rằng ơn gọi Kitô Hữu là một ơn gọi đầy truân chuyên vì một khi đã chấp nhận “xem xét” thì buộc lòng phải “đón nhận” sự thật được phơi bày. “Xem xét” trên một phương diện nào đó liên quan đến việc vận dụng khả năng “quan sát”, “học hỏi” và thậm chí còn hàm ý cả yêu cầu “chất vấn cảnh tỉnh” bản thân. Do đó những người thực sự hưởng ứng lời mời gọi “đến mà xem” của Chúa phải là những người rất can đảm và hành vi của họ minh chứng cho một đức tin vững vàng và một tình mến sắt son.

“Đến mà xem”: Một lựa chọn can đảm.

Đến với Chúa là động thái và là kết quả của tình mến. Có lẽ chính kinh nghiệm này đã thôi thúc thánh Phaolô Tông Đồ tận tình khuyên nhủ các tín hữu Côrintô sống sao cho xứng đáng với vị thế là “thân thể của Đức Kitô” và là “đền thờ của Chúa Thánh Thần” (x. 1 Cor 6, 15 & 19). Chúa Thánh Thần chứ không phải ai khác chính là nguyên lý cho sự hiệp nhất giữa Thân Thể và Đầu, giữa Hội Thánh và Đức Kitô, Đấng ấy ở trong chúng ta. Do đó, tương quan giữa Đức Kitô và môn đệ của Ngài nhất định còn cao siêu hơn tương quan thầy trò thông thường. “Ở lại trong Thầy” chính là cách sống của những người ý thức mình là người nhà của Thiên Chúa, là anh chị em con cùng một Cha trên trời. Ơn gọi môn đệ không thể chỉ dừng lại trên danh nghĩa mà thực sự là một dấu ấn sâu đậm làm nên căn tính của một con người. Môn đệ chân chính là người khao khát và sẵn sàng từ bỏ tất cả chỉ để được “ở lại” trong Thầy Giêsu. Lời mời gọi “đến mà xem” không chỉ dành cho bậc tu trì thánh hiến, mà còn là lời kêu gọi dành cho tất cả những ai khao khát nên thánh, khao khát hạnh phúc đích thực.

Câu truyện Cựu Ước kể về việc Đức Chúa gọi cậu bé Samuel trong đền thờ là một trong những trình thuật giàu cảm xúc nhất trong Kinh Thánh. Thiên Chúa có trăm phương nghìn cách

để kêu gọi chúng ta, lúc thì kín đáo khi thì rõ ràng (x. 1 Sam 3, 3-10;19)[3]. Tuy được điểm phúc trải qua kinh nghiệm về “Lời Thiên Chúa” nhưng cậu Samuel vẫn cần phải học cách đáp trả tiếng Chúa kêu gọi. “Lạy Chúa con đây, xin hãy phán vì tôi tớ Chúa đang lắng tai nghe” (1 Sam 3, 9). Trình diện vì Chúa gọi; “Vâng con đây”, đó là việc làm đúng đắn nhưng chưa đủ. Thầy Êli nhận ra khuyết điểm ấy nơi cậu bé Samuel nên ông chỉ cho cậu biết cách đáp lại tiếng Chúa. “Xin hãy phán vì tôi tớ Chúa đang lắng tai nghe”, đây là cách đáp trả hoàn toàn chủ động. Ẩn chứa bên trong câu nói này là cả một thái độ thức tỉnh, một tư thế sẵn sàng đón nhận và thi hành điều Chúa muốn. “Này con đây, con xin đến để thi hành Thánh ý Chúa” (x. Tv 39, 8-9).

Cả hai trình thuật Chúa gọi Samuen và Chúa kêu gọi các môn đệ đầu tiên đều cho thấy Thiên Chúa hoàn toàn tôn trọng tự do của con người. Thiên Chúa ngỏ lời và chờ đợi chúng ta đáp lại. Phần thưởng dành cho những ai biết dùng hai tiếng “xin vâng” để đáp lại tiếng Chúa kêu gọi sẽ là một hành trình “vượt lên chính mình” vô cùng ngoạn mục. Một hành trình ghi dấu sự tác động của ơn Chúa và sự hợp tác tích cực của con người. Thánh vịnh 119 chỉ ra cho chúng ta thấy kết cục của những người biết sẵn lòng lắng tai nghe tiếng Chúa và những người mền chuộng đường lối của Ngài: “Thánh ý Chúa làm con vui sướng thỏa thuê, chỉ bảo con như những người cố vấn. Lạy Chúa, kẻ yêu luật Ngài hưởng an bình thư thái” (x. Tv 119, 24 & 165). Ngoài ra, những ai đã trải qua kinh nghiệm gặp gỡ “đến mà xem” sẽ được ơn Chúa biến đổi để trở nên tông đồ cho các tông đồ như trường hợp André, ông đã loan báo và “dẫn em mình đến gặp” Đấng Messia (x. Ga 1, 41-42).

“Đến mà xem” – Một bí quyết thành công.

Lời mời gọi “đến mà xem” có thể được hiểu như một chuẩn mực để đánh giá thái độ chân thành và nghiêm túc của những người theo đi Chúa. Bên cạnh đó, đây cũng là bí quyết mà Chúa Giêsu đã mặc khải ra nhằm hướng dẫn cho chúng ta cách đạt đến cùng đích của đời mình, những người được Chúa trao cho sứ vụ xây dựng Nước Trời.

Khi trình bày về sứ mạng tông đồ giáo dân, sắc lệnh *Apostolicam Actuositatem* đề cập đến “nền tảng thần học” và “đường hướng thực hành” trước khi nói đến nhiều khía cạnh khác. Điều này cho thấy đây là hai khía cạnh cơ bản nhất anh chị em giáo dân chúng ta cần phải lưu tâm. Dù xét trên phương diện thần học hay phương diện mục vụ thì sứ mạng tông đồ giáo dân đều phải được lý giải nhờ vào một nền tảng duy nhất đó là Đức Giêsu Kitô, cội nguồn mọi ơn gọi và sứ mạng. Do đó trong các yếu tố quyết định sự thành bại của việc loan báo Tin Mừng nhất định phải nhắc đến mối tương quan thông hiệp giữa các Kitô hữu và Đức Kitô.

Giáo dân có bổn phận và quyền làm tông đồ là do chính việc kết hợp với Đức Kitô là Đầu. Họ được chính Chúa chỉ định làm việc tông đồ, qua phép Thanh Tẩy Ngài sát nhập họ vào Nhiệm Thể của Ngài, qua phép Thêm Sức Ngài làm cho họ nên mạnh mẽ nhờ quyền năng của Chúa Thánh Thần và thánh hiến họ vào chức vụ tư tế vương giả và dân tộc thánh thiện (x. 1 Pt 2, 2-10). Thêm vào đó, nhờ các bí tích nhất là bí tích Thánh Thể Ngài chuyển thông và nuôi dưỡng đức ái vào trong tâm hồn những người này (x. AA, #3). Vì Đức Kitô là nguồn mạch nguyên thủy

của mọi hoạt động tông đồ trong lòng Giáo Hội, nên hiển nhiên là kết quả phong phú của tông đồ giáo dân tùy thuộc ở sự kết hiệp sống động của chính họ với Đức Kitô, Đấng đã tuyên bố rằng: “Ai ở trong Thầy và Thầy ở trong kẻ ấy thì mới sinh được nhiều hoa trái” (x. Ga 15, 5). Đời sống kết hiệp mật thiết với Đức Kitô trong Giáo Hội được nuôi dưỡng bằng nhiều phương thể thiêng liêng khác nhau nhưng trên hết là bằng việc tham dự tích cực vào Phụng Vụ thánh (x. AA, #4).

Một lần nữa, chúng ta được khuyến khích gắn kết đời mình với Đức Kitô qua việc nuôi dưỡng và củng cố tình liên đới hiệp thông trong Hội Thánh và tích cực tham dự vào các bí tích. Chỉ như thế chúng ta mới đủ sức “*Ad gentes* – đến với muôn dân” và khi đến với họ chúng ta mới có cái để chúng ta chia sẻ với họ. Phải chăng đây chính là thao thức nền tảng mà Đức Thánh Cha Phanxicô muốn chuyển tải đến chúng ta khi ngài ban hành Tựa Sắc *Spiritus Domini* vào đúng ngày lễ Chúa Giêsu Chịu Phép Rửa vừa qua. Bí quyết ở lại trong Chúa (*đến*) và để cho ơn Chúa biến đổi đời mình (*mà xem*) là hành trang quý báu giúp chúng ta đi trọn hành trình tông đồ và hoàn tất việc loan báo Tin Mừng trong thành công mỹ mãn.

Cuối cùng, chúng ta không quên dõi theo gương mẫu tuyệt hảo của đời sống tông đồ, Đức Trinh Nữ Maria, Nữ Vương các Tông Đồ (*Regina Apostolorum*). Khi còn ở trần gian, Mẹ đã sống cuộc đời như mọi người, cũng vất vả lo toan cho gia đình nhưng Mẹ đã luôn luôn theo sát dấu chân và kết hợp mật thiết với Chúa Giêsu Con của Mẹ. Giờ đây, sau khi đã về trời, “với tình mẫu tử bao la, Mẹ tiếp tục chăm sóc cho đàn em đông đúc của Con Mẹ, đang trên đường lữ thứ trần gian nhiều gian truân, Mẹ lo lắng cho tới khi họ đạt tới quê trời vĩnh phúc” (x. LG, #62). Chúng ta hết thảy tôn sùng trái tim Mẹ và phó dâng sứ mạng tông đồ của chúng ta cho Mẹ coi sóc (x. AA, #4).

Nữ Vương các thánh Tông Đồ, xin cầu cho chúng con.

[1] X. “Lời Mở Đầu” của Sắc Lệnh về Tông Đồ Giáo Dân *Apostolicam Actuositatem* của Công Đồng Chung Vaticanô II, ban hành bởi ĐTC Phaolô VI, 18/11/1965. Kể từ đây tên sắc lệnh sẽ được viết tắt “AA”.

[2] ĐTC Phanxicô, *Tựa Sắc Spiritus Domini*, Vatican, 11/01/2021. Tham khảo bản tiếng Anh: http://www.vatican.va/content/francesco/en/motu_proprio/documents/papa-francesco-motu-proprio-20210110_spiritus-domini.html, truy cập 15/01/2021.

[3] X. “Chú giải 1 Samuen 3, 1-10” trong *Kinh Thánh Cựu Ước và Tân Ước: Lời Chúa Cho Mọi Người*, NXBTG, 2006, tr. 402.

Lm. Jos Phan Quang Trí, O.Carm.

VỀ MỤC LỤC

Sau khi từ bỏ thầy mình là Gioan Tẩy Giả, để đi theo người mà Gioan nói là Chiên Thiên Chúa, rồi lại ở với vị thầy mới là Chiên Thiên Chúa đó, thì hôm sau, Anrê đi tìm anh mình là Phêrô, và nói : “Chúng tôi đã gặp Đấng Messia (nghĩa là Đấng Kitô). “Chúng tôi đã gặp.” “Gặp”, một cách diễn rất không đạt. Hôm qua ra đường, tôi *gặp* cảnh sát giao thông đứng ở ngã tư, *gặp* ông đi qua bà đi lại. Hoặc cao hơn một bậc, hôm qua đi phố tình cờ *gặp* lại người quen. Những kiểu gặp đó không phải là “gặp” trong câu “chúng tôi đã gặp Đấng Kitô của Anrê.” Vậy chữ gặp trong câu nói của Anrê nghĩa là gì

Chúng ta sẽ tìm theo nghĩa Kinh Thánh, tức là nghĩa của câu thoại trên ; và một nghĩa nữa: nghĩa tình yêu, nghĩa của bối cảnh trên.

1- Nghĩa của Kinh Thánh

Lẽ ra nên dịch : *tìm thấy rồi, tìm được rồi !*

Quả thật người Do Thái thời ấy ao ước sự xuất hiện của Đức Kitô mà Kinh Thánh đã loan báo. Đấng đó sẽ đến giải thoát, giải thoát cả sự đô hộ của Roma nữa. Ai tìm ra được Đức Kitô quả là điểm phúc. Cho nên khi tìm được rồi reo lên như Archimède xưa : Eureka (mà quả thật Phúc Âm viết bằng tiếng H Lạp, cũng dùng chữ như Archimède xưa kêu lên : Eureka, tôi đã tìm ra rồi).

Số là Archimède sống từ khoảng năm 287 đến 212 tCN. Ông là cố vấn khoa học cho Herio II, người thống trị thành phố Syracuse trên đảo Sicily, phía nam Italy (Sicily khi đó là một phần của thế giới Hi Lạp). Câu chuyện kể rằng Herio đã yêu cầu Archimède kiểm tra xem chiếc mũ miện mà ông vừa cho chế tạo dâng thần thánh được làm bằng vàng nguyên chất hay hỗn hợp của vàng và bạc. Người ta cho rằng Archimède đã tìm ra câu trả lời trong khi đang ngồi trong bồn tắm. Ông đã nhảy ra khỏi bồn tắm và trần như nhộng chạy khắp các đường phố la toáng lên “Eureka! Eureka!” Đó là tiếng Hi Lạp có nghĩa là “Tôi đã tìm ra rồi”.

Vàng thì nặng hơn bạc, cho nên một ký vàng thì khối lượng nhỏ hơn cũng một ký vàng pha bạc, cho nên nếu 1kg vàng pha bạc, thì nước tràn ra nhiều hơn là vàng ròng.

-Archimedes thả những vật bằng vàng nguyên chất và bạc nguyên chất vào nước để đo sự thể chỗ. Sau đó, ông thả cái mũ miện vào. Thì ra nó chiếm chỗ của nước nhiều hơn vật bằng vàng nguyên chất. Archimède kết luận rằng cái mũ miện của nhà vua không được làm bằng vàng nguyên chất. Archimède kêu Eureka không phải tình cờ, nhưng suy nghĩ, khi nhảy vào bồn tắm, thấy nước tràn ra, ông kêu Eureka.

Anrê theo thầy Gioan Tẩy giả, cũng là để đi tìm cho bằng được Đấng Kitô, cho nên khi tìm được cũng kêu lên Eureka : Đấng Kitô, chúng tôi đã tìm ra được rồi.

-Newton (tk 18) nằm dưới gốc cây táo, tình cờ một quả táo rơi trúng đầu, ông tìm ra được định luật hấp dẫn vạn vật và sức hút của trái đất, khi nó quay. Chắc hẳn ông phải suy nghĩ nhiều trước đó, để khi thấy trái táo rơi, -tại sao không rơi ra không gian, mà rơi xuống đất,- lúc đó chắc hẳn Newton cũng kêu lên Eureka. Ngày nay bên Âu Châu và ngay tại Việt Nam ta, cũng có những câu lạc bộ Eureka, nhằm tìm tòi phát minh ra những điều mới lạ, một kiểu như Eureka : tôi đã tìm ra rồi. Anrê cũng thốt lên như vậy với anh mình : Kitô, tôi đã tìm ra rồi !

-Trên VTV1, có chương trình “Như chưa hề có cuộc chia ly,” do nhà báo Thu Uyên, nay đã đến số trên 80, mỗi tháng 1 số, diễn lại phút “gặp” lại người lạc mất. Đúng là “tôi đã tìm thấy rồi” chứ không phải tình cờ gặp đâu. Người nhà tìm, nhà đài tìm, để rồi cuối cùng kêu Eureka, chúng tôi đã gặp : chúng tôi đã tìm được rồi, mừng quá. Anrê cũng nói câu tương tự với Phêrô : Đấng Kitô đó, chúng tôi đã tìm ra rồi, tìm được rồi, mừng quá, “như chưa hề có cuộc chia ly.”

Đó là nghĩa kinh thánh, nghĩa của câu thoại, bởi vậy dịch là “gặp”, chúng tôi đã gặp, hơi yếu: ít ra phải là “chúng tôi đã tìm thấy rồi, đã bắt gặp rồi.”

2. Nghĩa tình yêu

Nhưng câu nói của Anrê còn thêm một nghĩa, nghĩa của khung cảnh Anrê gặp Đức Kitô, mà ta có thể gọi là nghĩa “tình yêu.”

Người đâu gặp gỡ làm chi

Trăm năm biết có duyên gì hay không (câu 181)

mô tả Kiều gặp Kim Trọng. Gặp mà làm chi, dứt đi không được.

Khi Anrê đã gặp được Đấng Kitô rồi, thì cũng dứt đi không được, lúc gặp là giờ thứ mười, 4 giờ chiều, rồi ở lại hôm ấy với Đức Kitô. Nhớ rất rõ là mấy giờ. Làm sao quên được !

Cái thừa ban đầu lưu luyến ấy

ngàn năm hồ dễ mấy ai quên

Thế Lữ đã thốt lên như vậy.

Khi chàng gặp nàng lần đầu, không thể quên được.

Khi Anrê gặp Chúa, ta nên nhớ là còn Gioan nữa, Gioan cũng là người đầu tiên gặp Chúa, nên hơn 50 năm sau, khi viết sách Tin Mừng, Gioan còn nhớ rất rõ : 4 giờ chiều. Phút gặp gỡ đầu tiên ấy, ngàn năm hồ dễ mấy ai quên.

Có một bài hát của Lm Tiến Lộc, cũng hát được trong nhà thờ, nhưng thường là hát sinh hoạt : *Gặp gỡ Đức Kitô, biến đổi cuộc đời mình, Gặp gỡ đức Kitô đón nhận ơn tái sinh. Gặp gỡ đức Kitô chân thành mình gặp mình. Gặp gỡ đức Kitô nảy sinh tình đệ huynh.*

1. Nguồn suối nếu bế tắc thì dòng sông mau cạn khô. Tình yêu không Kitô, ôi tình yêu sao cần cỗi. Vì Chúa chính nguồn suối nguồn yêu thương vô biên. Tình yêu thương nối liền (các) hoang đảo giữa đại dương.

2. Cuộc sống kiếp lữ khách, lộ trình xa ôi thật xa, dọc đường nguy nan phong ba, đơn độc đấu tranh kiệt ngã ... Kìa bóng Chúa tiến đến, nhẹ tay nâng mình lên, ủi an như mẹ hiền, chính Ngài Chúa Tình yêu.

Cha Lelotte trong cuốn *“Những người trở lại trong thế kỷ 20”* ghi lại hơn ba mươi khuôn mặt từ giám mục, linh mục, tu sĩ đến giáo dân. Cha trình bày kinh nghiệm gặp gỡ Chúa một cách độc đáo, riêng biệt của từng người. Và từ ngày ấy cuộc đời của họ đã biến đổi một cách sâu sắc. Họ trở lại, đi theo Chúa, có người đi tu (như cha Bửu Dưỡng trước đây). Có người tiếp tục đời thường nhưng say mê Chúa mà họ đã eureka, đã tìm ra được rồi.

Trong một lớp giáo lý tân tòng, một thiếu nữ trẻ đang học đạo để lập gia đình, đã chia sẻ tâm tình và sự lựa chọn của cô như sau.

Trong cuộc đời cô, cô chưa bao giờ nghe biết hay được học hỏi điều gì về tôn giáo cả. Gia đình cô rất ghét đạo Công giáo. Nhưng chàng và nàng lại yêu thương nhau tha thiết. Khi chàng ngỏ ý muốn cưới nàng làm vợ với điều kiện cả hai phải có cùng một niềm tin tôn giáo, nàng chấp nhận ngay. Cô nói: *“Tôi muốn có cái mà anh ấy có”*. Cô chia sẻ rằng cô nhận thấy, đối với chàng đức tin là điều quan trọng nhất trong cuộc đời và chi phối toàn bộ cuộc đời chàng. Trong đức tin chàng có sự bình an và hạnh phúc. Đó là điều cô cũng đang đi tìm kiếm thì tại sao cô lại không chấp nhận được. Trong khi đó chàng không có nhiều tiền bạc, nhưng rất hài lòng về cuộc sống của mình, và chu toàn những bổn phận hằng ngày. Cuộc sống phản ánh đức tin mà chàng và cô muốn là một phần của niềm tin đó.

Chúng ta có được như chàng trai này : sống đức tin vì đã tìm gặp được Chúa rồi để sau đó làm cho nàng cũng eureka tìm gặp được Chúa như chàng không ? Đúng là “gặp gỡ Đức Kitô, (phải) biến đổi cuộc đời mình.”

Lm. Anphong Nguyễn Công Minh, OFM.

VỀ MỤC LỤC

THA THỨ: YẾU TỐ HẠNH PHÚC CỦA HÔN NHÂN

Tiến sĩ Trần Mỹ Duyệt

Ta không thể sống hạnh phúc trong đời sống hôn nhân nếu không học biết tha thứ cho chính mình và cho người phối ngẫu. Tha cho mình vì đó là việc làm chứng tỏ ta biết mình, chấp nhận giới hạn và những lầm lỗi của mình. Tha cho chồng hoặc cho vợ vì họ cũng chỉ là con người giới hạn với những khuyết điểm tương tự như ta.

Hai cuộc khảo cứu thuộc đại học Buffalo và Georgia đã cho thấy tha thứ là một việc làm vừa công bằng, vừa hữu lý, và vừa cần thiết vì nó có thể được coi như những yếu tố quan trọng xác định những lý do đưa đến khủng hoảng trong hôn nhân, cũng như đem lại sự hòa giải cần thiết.

Khảo cứu đầu tiên cho thấy tha thứ là những hành động đi trước về sự bất ổn của tâm lý. Khảo cứu này do Frank D. Fincham thuộc đại học Buffalo thực hiện. Khảo cứu thứ hai đề cập đến những thù hận. Khảo cứu này do Steven R. Beach, đại học Georgia thực hiện. Hai kết quả một tiêu cực và một tích cực, nhưng chung quy đòi hỏi phải có sự tha thứ.

Tình trạng tiêu cực chỉ cho thấy có sự căng thẳng tâm lý, và riêng đối với những người chồng, tình trạng tích cực đến từ sự hóa giải trong cách đối thoại, giao tiếp. Chúng tùy thuộc vào sự hài lòng cả hai phía đến từ người phối ngẫu.

Xung khắc hay còn được gọi là “khắc khẩu” trong hôn nhân đã trở nên đề tài thu hút cho nhiều cuộc khảo cứu suốt 25 năm qua. Những cuộc khảo cứu này đã đem lại những bức tranh rõ nét về chi tiết của những tác dụng cũng như vô tác dụng qua thái độ (Fincham & Beach, 1999). Tuy nhiên, những dấu hiệu đó còn tùy thuộc trong cách giải nghĩa. Một điều mà ai cũng cho là vô lý, đó là những người mà chúng ta yêu lại thường là những người làm cho chúng ta buồn lòng. Không những thế còn không luôn luôn là những người mà chúng ta có thể dễ dàng trao đổi, hoặc tâm sự một cách thoải mái. 75% đàn ông được ghi nhận đã xử dụng những lời nói cộc cằn, thô lỗ, thiếu tế nhị khi nói năng với vợ. Tương tự, 80% phụ nữ cũng đã dùng những ngôn từ khó nghe, trêu tức và chọc giận chồng (Stets, 1990).

Kết quả cuối đến từ cuộc khảo cứu của Murphy và O’Leary (1989), cho thấy người ta tìm ra rằng cay đắng tâm lý trong hôn nhân (ngôn ngữ chua chát và những thái độ, cử chỉ thiếu hòa hoãn, thiếu nhẹ nhàng tế nhị) là những báo hiệu của hành động tức giận. Thêm vào đó, cay đắng tâm lý có thể đưa đến những ảnh hưởng tồi tệ qua hành động thể lý (Arias & Pape, 2001).

Sau cùng, những nạn nhân của đau khổ, cay đắng do những ảnh hưởng tâm lý gây ra thường cho rằng sự cay đắng tâm lý tệ hại hơn sự cay đắng về thể lý (Murphy & Cascardi, 1993; O’Leary & Jouriles, 1994). Điều này không mấy ngạc nhiên, vì căng thẳng tâm lý (Murphy & O’Leary, 1989) và thái độ không thân thiện, cô lập dẫn đến những bất hạnh của hôn nhân (Roberts & Krokoff, 1990). Tóm lại, nếu ta để cho sự thiếu hiểu biết về diễn tiến của cay đắng tâm lý và những thái độ thiếu cộng tác của đối thoại trong hôn nhân ảnh hưởng đến hạnh phúc

của đời sống chung mà không tìm cách giải quyết, nó sẽ làm băng hoại hôn nhân và dẫn đến ly dị. Một trong những phương thức chữa trị và giải quyết vấn đề, đó là sự tha thứ.

TẠI SAO THA THỨ?

Tha thứ là một đóng góp có thể giúp ta hiểu những biến chuyển căng thẳng tâm lý và những tác động thông thường của đối thoại trong hôn nhân.

Tất cả chúng ta đều có những đau khổ và phần lớn là không biết làm sao để tránh khỏi vết thương lòng này. Ai trong chúng ta cũng muốn tìm kiếm một đời sống không bị những buồn phiền và đắng đót dần vặt. Và đó là một vấn nạn lớn trong mỗi giao tiếp lành mạnh mang tính xã hội, đặc biệt đối với những ai đang sống trong đời sống hôn nhân. Để tha thứ, nhất là tha thứ cho người chồng, người vợ đã làm buồn lòng mình, sau đây là một số những gợi ý mang tính cách tâm lý:

Giận hờn, cay đắng có thể coi như độc tố ngấm vào mọi hành động thường ngày và đã cướp đi hạnh phúc của nhiều cuộc hôn nhân. Đối với những cuộc hôn nhân này, sự chia rẽ, rạn nứt, ly thân và ly dị không xảy ra ngay, nhưng một cách từ từ, chậm chạp và thầm lặng - như những triệu chứng đau tim, cao máu, cao mỡ, tiểu đường... đã giết chết nhiều bệnh nhân một cách âm thầm.

Phải chăng tha thứ có nghĩa là bỏ qua như chuyện đó không bao giờ xảy ra? Có nghĩa là người đó không tiếp tục làm cho mình buồn lòng và nghĩ ngợi?!

THỰC HÀNH THA THỨ

Có ít nhất 4 điểm chính cần thiết để giúp cho sự tha thứ được thực hiện. Nếu áp dụng một cách nghiêm chỉnh và có ý thức vào những điều đang làm cho mình trở nên bức tức, khó chịu, phương pháp này sẽ làm thay đổi hoàn cảnh và giúp ta hướng về phía trước một cách tự do hơn.

1. Tìm giải pháp chữa lành thay vì ăn miếng trả miếng.

“Đâu có công bằng, ở đó không có bác ái”. (St. Augustine). Đây cũng là tư tưởng được rút ra từ lời Đấng Khôn Ngoan, đó là chúng ta không thể sống với nhau theo như quan niệm “mắt đền mắt, răng thế răng” (Xuất Hành 21:24). Ngược lại, “Hãy làm cho người khác những gì mà ta muốn người đó làm cho mình” (Matthêu 7:12). Những nguyên tắc công bằng này nếu được áp dụng triệt để, nó cũng chỉ ngăn cản con người ít ra vì sự an sinh của chính mình mà đừng làm hại hoặc xúc phạm đến kẻ khác. Nhưng cái cao cả của tình yêu, của giá trị tinh thần là ở chỗ: “Nếu ai tát má người, hãy đưa má kia cho nó” (Luca 6:29). Và đó là tinh thần yêu thương, vượt ra khỏi những tính toán của tự nhiên.

Câu chuyện sau đây đã xảy ra trong một khu sấn sóc người nghèo của các nữ tu Bác ái Thánh Têrêsa ở Calcutta. Câu chuyện rất đời thường, nhưng người đã thực hành được điều nó quả là phi thường, đáng nể phục. Chuyện kể một hôm cảnh sát đến phỏng vấn một người vô gia cư bị đối xử tàn tệ và bị hành hung. Cảnh sát hỏi ông, tên người đã đánh ông ta là gì, và hiện nay người này đang ở đâu? Nhưng người vô gia cư im lặng và từ chối trả lời câu hỏi. Sau này, ông ta mới tiết lộ lý do ông giữ im lặng cho vị nữ tu phụ trách nghe. Ông nói: “Nếu tôi không nói thì chỉ một mình tôi bị đối xử bất công và bị đánh, còn nếu nói ra thì lại thêm một kẻ khác bị đánh và còn bị nhốt tù nữa.”

Người này không giảng đức bác ái, không nói về tình yêu, nhưng ông ta đã sống đức ái và tình yêu. Còn Phaolô qua thư gửi cho giáo đoàn Rôma đã viết: “Hãy làm tất cả những gì anh em có thể làm được, để sống hòa thuận với mọi người. Anh em thân mến, đừng tự mình báo oán, nhưng hãy để cho cơn thịnh nộ của Thiên Chúa làm việc đó, vì có lời chép: “Chính Ta sẽ báo oán, chính Ta sẽ đáp trả” (Rôma 12:18-19).

Trả treo, ăn miếng trả miếng là lối suy nghĩ và lối sống thường tình. Nó không đem lại hạnh phúc và bình an.

2. Đừng nuôi dưỡng vết thương lòng.

Trong bất cứ mối tương giao nào, rồi ra cũng có lúc ta cảm thấy bị đau đớn, phũ phàng, và phản bội. Và khi một người ta yêu làm mình phải đau khổ bằng hành động, hoặc lời nói, bản năng tự nhiên của ta là trả thù lại người ấy. Nhưng thay vì làm vậy, ta hãy tìm một giải pháp để cho qua đi nỗi đau ấy, và hơn nữa, hãy tìm cách chữa lành chính ta cũng như chữa lành mối tương giao vợ chồng. Tóm lại, hãy làm ngược với những tư tưởng tự nhiên muốn trả đũa, hoặc bị cám dỗ giữ kín vết thương tâm hồn để tìm cách trả thù. Ôm lấy những vết thương trong lòng là làm cho những vết thương ấy mừng mủ, và có thể biến thành khối tế bào ung thư. Tha thứ thật lòng đòi hỏi ta phải mở toang những vết thương vô hình ấy.

Chữa lành không thể xảy ra khi ta vẫn khư khư giữ lấy những điều khiến mình phải đau khổ trong quá khứ. Trong mối tương quan mà ở đó người ta giữ lấy những hơn thua thì như vậy cả hai cùng bị thua thiệt. Trong mối tương quan mà ở đó người ta chọn sự tha thứ, ở đó cả hai đều là người thắng cuộc. Giữ lấy lòng thù hận, không tha thứ là như tự mình uống thuốc độc rồi ngồi đó chờ người mình ghét phải chết. Đừng để mình bị rơi vào cạm bẫy của sự thù hận, bất khoan dung.

3. Tha thứ khác với tin tưởng.

Khi ta chiến đấu để tha thứ, thường vì tin rằng tha cho người ấy sẽ khiến người ấy sửa đổi. Sự thật là tha thứ không mang tính chất lợi lộc, nhưng chỉ là một cái gì cho đi (nó được gọi là phúc đức). Còn tin tưởng rằng người phối ngẫu sẽ biến đổi, sẽ làm mình hài lòng cũng chỉ là một điều mong mỏi, một tâm thức chung. Thực tế ra sao, chỉ có tình yêu và sự tha thứ mới thực sự có giá trị. Khi một người phối ngẫu làm gì làm lỗi với ta, ta tha thứ ngay lập tức, nhưng tin tưởng một cách từ từ. Mặc dù tin tưởng không đòi hỏi để tha thứ, nhưng về phía người được tha việc đáp lại lòng tin tưởng của nhau cũng chính là lý do làm cho người phối ngẫu cảm thấy an tâm và tiếp tục tha thứ cho mình.

4. Chấp nhận sự xin lỗi mặc dù không bao giờ xảy ra!

Một số người thường tích lũy sự thù ghét, nhất là đối với những người không bao giờ nói lời xin lỗi. Trong nhiều trường hợp, người bị xúc phạm chẳng bao giờ nghe được câu: “Anh hoặc em xin lỗi vì đã nhầm. Anh hoặc em thành thật xin lỗi”. Chính vì vậy, nhiều trường hợp, sự thù hận này được mang xuống tuyền đài. Có nghĩa là người làm lỗi có chết cũng không được tha, và người có thể tha thì dù có chết cũng không tha.

Nhưng nếu đối xử với nhau như vậy thì không còn là tình nghĩa, không còn là vợ chồng. Có chuyện gì người phối ngẫu làm cho ta buồn lòng thì cũng phải tha thứ, vì điều này sẽ giúp cho lòng mình bình an mà tiếp tục cùng nhau xây dựng hạnh phúc. Đức Thích Ca cũng đã dạy rằng: “Giữ sự giận hờn như lấy than hồng bỏ vào tay người, chính mình bị bỏng trước” (Holding

on to anger is like grasping a hot coal with the intent of harming another; you end up getting burned.)

Trong đời sống vợ chồng, nhiều khi lời xin lỗi không nhất thiết phải thốt ra bằng lời, nhưng nó có thể được biểu lộ qua nhiều hình thức. Điều quan trọng là ở chỗ khi đã thấy người phối ngẫu của mình nhận ra khuyết điểm của họ và đang tìm cách để xin lỗi thì ta phải sẵn sàng tha cho họ và tạo điều kiện để họ nói ra, hoặc biểu lộ hành động xin lỗi.

(Được hiệu đính từ bài viết *THA THỨ: ỨNG DỤNG THỰC HÀNH TRONG HÔN NHÂN* của cùng tác giả, phổ biến trên facebook Duyet Tran, December 10, 2016)

VỀ MỤC LỤC

GIỚI THIỆU TÁC PHẨM NHÌN XUỐNG CUỘC ĐỜI



Tác giả Quyên Di

Nhà Văn, Giáo Sư Ngôn Ngữ và Văn Hóa Việt Nam đại học UCLA

Kính mời xem video tại đây: <https://bit.ly/3c1HxQk>

Khi có một khoảng cách vừa đủ

để quan sát một cách trọn vẹn;

khi có một chiều sâu vừa đủ

để cảm nghiệm được về những điều quan sát,

người ta có thể nhìn xuống cuộc đời.

Cuộc đời không phải chỉ được kết thành

bằng những chuyện phi thường

và những biến cố vĩ đại.

Cuộc đời diễn ra hằng giây, hằng phút,

hằng giờ, hằng ngày...

chung quanh ta và ở trong ta,

với những chuyện xem như rất tầm thường, nhỏ nhặt.

Nhưng trong những tầm thường, nhỏ nhặt ấy,

cuộc đời gói ghém những ý nghĩa thâm sâu của nó.

*Khám phá ra ý nghĩa những sự kiện tầm thường,
diễn ra hằng ngày trong ta và chung quanh ta
là ta đã khám phá được ý nghĩa của cuộc đời
và cảm nghiệm rằng cuộc đời thật phong phú.*

NHÌN XUỐNG CUỘC ĐỜI

*mời gọi bạn bước vào thế giới của nội tâm
để tìm trong đó giá trị đích thực
của cuộc đời chính mình.*

THƯ GỬI BẠN ĐỌC

Chúng ta ai cũng có một cuộc đời để sống. Nhưng đã có mấy ai sống cho trọn vẹn cuộc đời. Sống không trọn vẹn, có thể là vì ta đã phung phí thời giờ, có thể đã dùng thời giờ không hợp lý, có thể đã suy nghĩ và hành động sai lầm, có thể đã lạc hướng đi trong một quãng thời gian nào đó, và nhất là có thể đã không định hướng được cho cả cuộc đời của mình.

Là một người hầu như đã mắc phải gần hết những lỗi lầm trên, người viết muốn chia sẻ kinh nghiệm với bạn đọc về những sai lầm cũng như những phản tỉnh để cố gắng sửa đổi. Những kinh nghiệm này đôi khi có được một cách tình cờ, nhưng thường thì phải trả bằng một giá đắt.

Qua những kinh nghiệm ấy, người viết nhận thấy: muốn sống trọn vẹn cuộc đời của mình, nghĩa là sống đầy đủ, sống hữu ích, cho mình cũng như cho người khác, ta phải luôn luôn nhìn lại chính mình, đồng thời luôn luôn nhìn vào cuộc sống đang diễn ra chung quanh ta. Ta và cuộc sống chung quanh có những tương quan mật thiết với nhau, bởi thế, quan sát cuộc sống, ta có thể nhờ đó kiểm điểm được chính mình, hiểu mình hơn, kịp thời chỉnh đốn đời mình, và nhất là giữ được hướng đi đúng nhất cho cuộc đời

Từ ngữ "cuộc sống" hay "cuộc đời" thường gọi cho ta những cái gì lâu dài, to lớn hay những biến cố quan trọng. Dĩ nhiên cuộc đời có những đặc tính và yếu tố đó. Nhưng "cuộc đời" cũng còn là những sự kiện nho nhỏ xảy ra hằng ngày, tầm thường đến độ ta không thấy trong đó một chút ý nghĩa nào; còn là những cảnh, những vật, những người mà ta luôn luôn thấy, ở bên cạnh ta mà ta không để ý. Nếu lưu tâm hơn một chút, ta sẽ thấy trong những sự kiện, những cảnh, những vật, những người đó nhiều ý nghĩa đặc biệt, giúp ta nhìn lại chính mình. Một vỏ ốc, một bông hoa, một đám mây trên trời, một con đường, cái cột đèn, cái đồng hồ, một món đồ chơi trẻ con, một em bé, một cụ già... nếu được quan sát kỹ, đều đem lại cho ta rất nhiều suy tưởng về ý nghĩa và giá trị cuộc đời.

Một trong những cảm giác khiến ta buồn nản nhất, là bất chợt nhận ra bao nhiêu chương trình vĩ đại, bao nhiêu mộng ước cao xa, bao nhiêu giấc mơ "đội đá vá trời" của ta đều không đi

đến đâu, chúng từ từ tan loãng theo ngày tháng hoặc bất ngờ sụp đổ. Và ta trở về với những công việc những mục đích nhỏ bé, tầm thường, tũn mủn của kiếp người. Thật ra, đối với cái vĩnh cửu của thời gian và cái vô tận của không gian, nhất là đối với đấng Thượng Đế tạo thành vũ trụ vạn vật, cũng như tạo nên thời gian và không gian đó, mọi "chương trình hay mong ước" vĩ đại của ta đều nhỏ bé. Nhưng trở về với cái giới hạn của đời người, nếu ta để ý và tìm ra ý nghĩa của những cái ta vốn cho là nhỏ bé, tầm thường, tũn mủn kia, ta lại có thể làm được những chuyện to lớn không ngờ.

Trong ý hướng đó, người viết mời bạn đọc nhìn xuống cuộc đời với những cái tầm thường, nhỏ bé kết tụ lại, và tìm trong đó những ý nghĩa của chúng. Có thể bạn đọc không đồng ý với cách nhìn và những ý nghĩa được tìm thấy của người viết. Điều đó không quan trọng, miễn là cách nhìn và ý nghĩa ấy đem lại được một chút gợi ý, để mỗi chúng ta nhìn và tìm ra ý nghĩa theo một cách thức riêng.

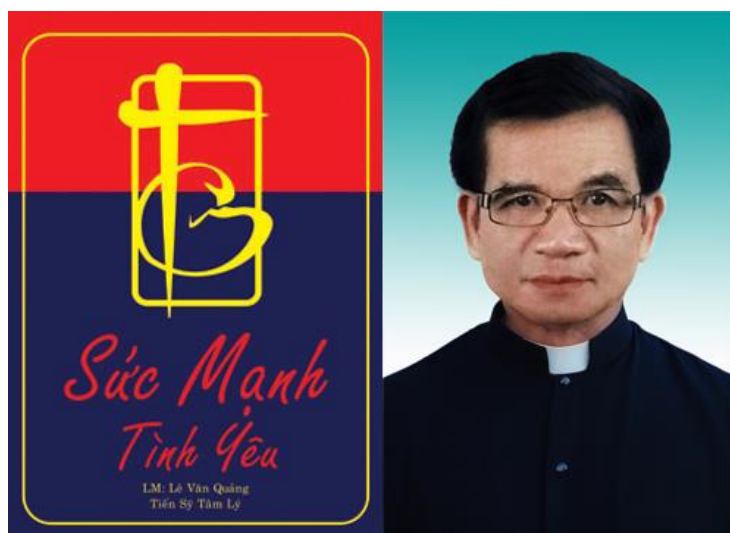
Là một tín hữu Công giáo, người viết thường tìm thấy nơi tận cùng cái nhìn và suy tư của mình sự toàn trí, toàn năng, vĩnh hằng, và nhất là tình yêu bao la đại hải của Thiên Chúa. Đó cũng là sự chia sẻ chân thành người viết muốn gửi tới bạn đọc.

Nhà Văn QUYÊN DI

Hẹn gặp lại

VỀ MỤC LỤC

TIN LÀ THẦN DƯỢC



Chuyên đề

SỨC MẠNH TÌNH YÊU

do Linh Mục Tiến Sĩ Tâm Lý
Peter Lê Văn Quảng phụ trách

TIN LÀ THẦN DƯỢC

Kính mời xem video tại đây:

<https://bit.ly/36norkb>

Một trong những nhu cầu sâu xa nhất của con người là nhu cầu được quý trọng. Mọi người đều muốn mình có giá trị. Điều đó không có nghĩa là mọi người muốn người khác khen mình là tuyệt vời. Đó cũng là một khát vọng nhưng không phải là điều mà chúng ta muốn nói ở đây. Chúng ta có thể nói rằng mọi người muốn mình được yêu. Nhưng nói như vậy xem ra có vẻ mơ hồ vì có nhiều loại tình yêu khác nhau giống như có nhiều loại hoa. Đối với một số người,

tình yêu là một cái gì đam mê. Với số người khác, tình yêu là một cái gì lãng mạn. Nhưng với số người khác nữa, tình yêu là một cái gì liên quan đến tính dục. Tuy nhiên, có một tình yêu sâu xa hơn, chân thật hơn, **đó là sự chấp nhận. Mọi người đều muốn mình được chấp nhận.** Không có gì trong đời sống con người có một ảnh hưởng lớn lao và lâu dài cho bằng cái kinh nghiệm bị khước từ, không được người ta chấp nhận. Khi tôi không được chấp nhận, có một cái gì trong tôi bị đổ vỡ. Một đứa bé sơ sinh không được chấp nhận sẽ bị tiêu hủy ngay từ lúc ban đầu. Một học sinh không được thầy cô chấp nhận sẽ không muốn đến trường. Một công nhân không được đồng bạn chấp nhận sẽ không muốn đến sở và cũng cảm thấy buồn chán khi ở nhà. Lịch sử các tù nhân cũng cho thấy rằng họ đã sống cuộc đời lang thang nay đây mai đó với đủ mọi hạng người và phạm đủ mọi thứ tội là vì không có ai thật sự đã chấp nhận họ. Cũng vậy, khi một tu sĩ cảm thấy mình không được chấp nhận bởi cộng đoàn của họ, họ sẽ cảm thấy buồn chán và sẽ ly khai khỏi cộng đoàn. Một cuộc đời không có sự chấp nhận là một cuộc đời trong đó nhu cầu căn bản nhất của con người không được đáp trả.

Chấp nhận có nghĩa là những người mà tôi sống với, mang lại cho tôi một cảm giác kính trọng, một cảm giác là mình còn có giá trị chứ không phải là hoàn toàn vô dụng. Chấp nhận cũng có nghĩa là tôi được chào đón như tôi hiện là. Điều đó có nghĩa là dấu cho mọi người đều ước muốn tôi trưởng thành hơn, đều muốn tôi nên tốt hơn, muốn tôi hoàn thiện hơn, nhưng tôi không bị bắt buộc. Tôi không bị bó buộc phải là người của khuôn mẫu mà họ muốn. Tôi cũng không bị đóng khung bởi cái quá khứ hoặc hiện tại của tôi. Nhưng tôi luôn được cho một khoảng trống để tôi có thể lớn lên, để tôi có thể ra khỏi những sai lầm của quá khứ.

Một cách nào đó, chúng ta có thể nói được rằng chấp nhận là một sự vén màn. Mọi người được sinh ra với nhiều khả năng khác biệt. Nhưng ngoại trừ họ được lay động, được đánh thức, được khích lệ bởi sự chấp nhận của người khác, họ sẽ mãi mãi nằm yên ngủ. Sự chấp nhận làm thức tỉnh những gì đang nằm yên nghỉ trong tôi. Chỉ khi tôi được yêu trong cảm giác sâu xa của sự chấp nhận hoàn toàn đó, tôi mới có thể trở nên chính con người đích thật của tôi. **Tình yêu và sự chấp nhận của những người khác làm cho tôi trở thành một con người độc đáo đích thật của chính tôi.**

Khi một người được quý trọng bởi công việc họ làm, họ không có cái gì độc đáo, vì người khác cũng có thể làm được điều đó và có khi còn làm trỗi vượt hơn họ. Nhưng, khi một người được yêu không phải bởi công việc họ làm mà là bởi chính họ, bấy giờ họ trở thành một cái gì cá biệt, độc đáo mà không ai có thể thay thế họ được. Và tôi cần một sự chấp nhận như thế để tôi trở thành cái tôi đích thật và cá biệt của tôi. Một người được chấp nhận là một người hạnh phúc, một người được giải thoát, một người có thể lớn lên với cái bản lĩnh độc đáo của mình.

Chấp nhận một người không có nghĩa là tôi chối từ những khuyết điểm của họ, cũng không có nghĩa là tôi cắt nghĩa một cách sai lệch, hoặc cắt nghĩa một cách qua loa những khiếm khuyết đó. Chấp nhận cũng không có nghĩa là xem mọi sự họ làm đều tốt đẹp. Nhưng ngược lại thì đúng hơn. Khi tôi chối từ những khuyết điểm của một người là tôi không chấp nhận họ. Tôi đã không chạm đến chiều sâu của con người đó. Chỉ khi nào tôi chấp nhận những khuyết điểm của họ, tôi mới thật sự là chấp nhận họ.

Nếu nói trong cách tiêu cực thì sự chấp nhận có nghĩa là tôi không bao giờ cho một người nào cái cảm giác rằng họ không có một giá trị nào cả. Không mong đợi một cái gì nơi một người là giết họ, là làm họ chết khô vì họ không còn chút sinh lực nào để tồn tại và tăng trưởng. Và đây là những triệu chứng của những con người không được chấp nhận:

- Ngạo đời: Trong một trạng thái bất cần đời, họ tự gán cho mình những lời ca tụng mà họ luôn ước muốn.

- Cứng nhắc: Thiếu sự chấp nhận gây nên thiếu sự an toàn trong cuộc sống. Vì thế, khi phải giải quyết vấn đề họ luôn cứng nhắc, thiếu uyển chuyển.

- Mặc cảm tự ty.

- Thủ dâm: Tận đáy lòng họ cảm thấy thiếu thốn mọi sự đến nỗi họ ước muốn có bất cứ cái gì họ có thể lấy được từ cuộc sống trong một cách thể dễ dàng nhất.

- Sợ hãi: Họ muốn được để ý một cách thái quá vì cảm thấy mình bị đe dọa. Có khuynh hướng khuếch đại. Hay nghi ngờ người khác.

CHÚNG TA PHẢI LÀM GÌ ĐỂ GIÚP HỌ?

Chúng ta phải giúp họ nhận thức được điều này là: “Cho dầu mọi người đều khước từ, bỏ rơi, không chấp nhận tôi, tôi vẫn được chấp nhận bởi Thiên Chúa “như tôi hiện là” mà không có một đòi hỏi nào cả. Thiên Chúa không ra điều kiện: Ngài sẽ yêu, khi tôi trở nên một con người tốt. Không, “Cái tôi sẽ là” là một cái gì chưa có thật, một cái gì còn trống rỗng, và có thể tôi sẽ chẳng bao giờ trở nên được như vậy. Tôi biết rằng trong thực tế, tôi không đi con đường ngay chính. Có nhiều khúc quanh, có nhiều ngã rẽ cộng với những yếu hèn và quyết định sai lầm của tôi đã đưa tôi đến chỗ mà bây giờ tôi đang đứng.

Nhưng kinh thánh cũng đã nói cho tôi rằng: “Chỗ mà tôi đang đứng là đất thánh” (Ex 3:5). Và cũng hãy nhớ rằng: “Thiên Chúa biết tên tôi. Ngài đã viết tên tôi vào lòng bàn tay của Ngài. Ngài không bao giờ nhìn vào bàn tay Ngài mà không nhìn thấy tên tôi” (Is 49:16). Và tên tôi chính

là tôi. Điều đó có nghĩa là Thiên Chúa luôn biết rõ tôi. **Thánh Augustinô nói: “Một người bạn thật là một người biết rõ mọi sự về bạn mà vẫn chấp nhận bạn”.** Đó là điều ước mơ của con người. Con người mơ ước: Một ngày nào đó mình hy vọng gặp được một người mà mình có thể chia sẻ được, người đó thật sự hiểu mình, hiểu được những lời mình nói, người đó biết để ý, biết lắng nghe và còn nghe rõ những điều mà mình không thể nói lên được.

Và Thiên Chúa chính là điều mà mình đang mơ ước đó. Ngài yêu tôi với tất cả cái cao đẹp cũng như với những yếu hèn của tôi. Ngài yêu tất cả: từ những ước mộng không thành của tôi, đến những hy sinh nhọc nhằn cay đắng của đời tôi, những niềm vui nho nhỏ của thành công cũng như những thất bại đắng cay ê chề của cuộc đời tôi nữa. Vì thế, với tôi chỉ có một điều cần biết là: tôi đã được chấp nhận và yêu thương bởi tình yêu sâu xa của Thiên Chúa. Thật ra chưa đủ: nếu chúng ta chỉ biết tình yêu của Thiên Chúa đối với chúng ta, mà chúng ta còn phải cảm nghiệm, phải chạm đến tình yêu đó nữa. Cuộc sống của chúng ta cần phải xây trên tình yêu đó.

Chúng ta thường được nói rằng: yêu Chúa là điều quan trọng đối với chúng ta và điều đó là đúng. Nhưng điều này còn quan trọng hơn: đó là **Thiên Chúa đã yêu thương chúng ta trước.** Tình yêu chúng ta dành cho Thiên Chúa đến sau. Thánh Gioan đã nhấn mạnh đến tình yêu đó: “Đây là tình yêu, tôi muốn nói, không phải tình yêu chúng ta dành cho Thiên Chúa, mà là tình yêu Thiên Chúa dành cho chúng ta” (1John 4:10). Karl Rahner đã một lần ghi nhận rằng chúng ta đang sống trong một thời đại có rất nhiều sự cải tổ trong giáo hội. Đây có thể là một dấu chỉ của niềm tin sâu xa. Nhưng cũng có thể là dấu chỉ của sự thiếu niềm tin. Và đâu là niềm tin? Niềm tin căn bản của chúng ta là: tôi biết mình được chấp nhận và yêu thương bởi Thiên Chúa. “Chúng ta đã biết và tin vào tình yêu của Thiên Chúa đối với chúng ta”(1John 4:16). Và đây cũng là nội dung của toàn thể bản kinh Tin Kính của các Tông Đồ. Nội dung đó không có gì khác hơn là sự xác tín được lập đi lập lại của các Tông Đồ về niềm tin vào tình yêu mà Thiên Chúa đã dành cho chúng ta.

Một niềm tin như thế, theo Tillich, phải có sự can đảm để chấp nhận. Chúng ta thì nghĩ rằng niềm tin như thế không có gì là khó. Trái lại, nó xem ra nghe rất ngọt ngào và dễ dàng. Nhưng thật ra, nó đòi hỏi một sự can đảm lớn lao. Tại sao nó phải cần đến một sự can đảm lớn lao như vậy?

Trước nhất, khi những tai họa xảy ra cho chúng ta, chúng ta thường hay phàn nàn trách móc: Tại sao Thiên Chúa lại cho phép những điều như thế xảy ra? Và chúng ta bắt đầu nghi ngờ tình yêu của Thiên Chúa. Vì thế, cần can đảm để tin vào tình yêu của Thiên Chúa nhất là khi có những điều không may xảy ra cho cuộc đời chúng ta. Một niềm tin như thế vượt xa ngoài cảm

nghiệm cá nhân của chúng ta. Bây giờ chính niềm tin là một sự cắt nghĩa về cuộc sống mà tôi chấp nhận.

Thứ đến, tình yêu của Thiên Chúa thì vô hạn. Chúng ta không bao giờ có thể chộp lấy được, nắm giữ được, hay điều khiển được. Một điều chúng ta có thể làm là như một đứa trẻ không cần biết đắn đo suy nghĩ, chỉ còn biết phó thác vào vòng tay của bố mẹ khi nó liêu mình nhảy từ trên cao xuống, nhưng chúng ta lại không thích làm như vậy. Sven Stolpe đã ví đức tin giống như một người leo lên tháp cao, và từ trên chóp đỉnh người đó được phán bảo: “Hãy nhảy xuống và tôi sẽ chộp lấy anh”. Người dám nhảy là người có đức tin.

Lý do thứ ba xem ra tế nhị hơn. Đó là dễ tin vào tình yêu của Thiên Chúa đối với chúng ta một cách tổng quát nhưng rất khó để tin vào tình yêu Thiên Chúa dành cho mỗi người chúng ta một cách cá biệt. Chính vì thế, rất ít người bằng lòng với chính mình để rồi sẵn sàng chấp nhận cách thức mà tình yêu Thiên Chúa dành riêng cho họ. Thật vậy, rất ít khi chúng ta gặp được một người có thể đối phó với những khủng hoảng, những thử thách xảy ra cho cuộc đời họ.

Đến đây, có thể nói được là quá đủ để chúng ta có thể hiểu được lý do tại sao đức tin đòi hỏi một sự can đảm để chấp nhận tình yêu Thiên Chúa dành cho mỗi người chúng ta. Và một khi chúng ta dám xác tín rằng **cho dầu chúng ta bất xứng nhưng Thiên Chúa vẫn chấp nhận và yêu thương chúng ta**, bây giờ chúng ta sẽ không còn lo lắng, sợ hãi gì nữa: không còn phải lo cô đơn, không còn phải sợ khước từ, không còn phải lo gian nan, không còn phải sợ thử thách vì chính niềm tin mang lại cho chúng ta một sự giải thoát khỏi tất cả những lo lắng, sợ hãi đó. Chỉ với niềm tin, con người mới có thể tìm lại được sự an bình và hạnh phúc đã bị đánh mất bởi sự ngược đãi của cuộc đời. Và cũng chỉ với niềm tin, những vết thương đau của lòng người mới có thể được hàn gắn và chữa lành một cách hoàn hảo.

Thật vậy, một khi con người đã đi vào hố sâu của tuyệt vọng thì chỉ có niềm tin mới có sức mạnh chữa lành một cách kỳ diệu những vết thương lòng sâu xa của con người, và cũng chỉ có niềm tin mới mang lại cho đời sống tâm linh của con người một sự an bình và thanh thản một cách sung mãn.

Lm Peter Lê Văn Quảng

Hẹn gặp lại

[VỀ MỤC LỤC](#)

CHUYỆN MỖI TUẦN – BƯỚC CHÂN THỨ IV TRONG HÀNH TRÌNH “ĐỒNG HÀNH CÙNG GIỚI TRẺ” VỚI “ĐỨC KI-TÔ – ĐÁNG ĐANG SỐNG” – BƯỚC CUỐI CỦA CHƯƠNG 9 VỚI CHỦ ĐỀ PHÂN ĐỊNH...

Ngay từ bước đầu chúng ta đã gói ghém trong chủ đề Phân Định này những thuật ngữ đồng nghĩa khác nhằm gợi ý một quyết tâm dành thêm nhiều thời gian hơn để giúp sự phân định của bản thân phong phú hơn, đấy là **Tỉnh Thức – Biết mình – Biết đọc bản thân – hay đơn giản là sự Xét mình...**

Qua bước thứ hai, Đức Thánh Cha nói với chúng ta về **việc huấn luyện lương tâm – yêu thích cô tịch – kiểm tìm tĩnh lặng – và biết tâm tình với Chúa qua cầu nguyện...**



Bước thứ ba, Đức Thánh Cha xin chúng ta xây dựng **Tình Bạn** với “Đức Ki-tô – Đáng Đang Sống”, tặng cho Người những “món quà” mà ta biết là Người thích...để có được những nụ cười của Người...Cuối cùng, chúng ta **dành trọn tâm huyết để sống Ơn Gọi Người mời gọi chúng ta** – Ơn Gọi mà Người biết là phù hợp với từng con người...và mong ước chúng ta sống trọn vẹn Ơn Gọi ấy...

Ở bước chân thứ IV này, Đức Thánh Cha giới thiệu với bạn trẻ **những con người có thể giúp chúng ta trong hành trình cùng bước với “Đức Ki-tô – Đáng Đang Sống” trong Ơn Gọi** của chính mình giữa trần gian này...và trên con đường về Quê Trời...

Với những người được coi là “**có nghiệp vụ**” trong việc giúp đỡ người trẻ...thì Đức Thánh Cha đưa ra cho họ một thứ “kim chỉ nam” để họ ích lợi hơn trong việc giúp đỡ người trẻ, đấy là sự **lắng nghe** ba loại nhạy cảm hay là quan tâm khác nhau và bổ sung cho nhau...khi tiếp xúc với người trẻ :

-lắng nghe loại nhạy cảm I : lắng nghe đương sự nói để “thỏ lộ” chính mình, chính con người mình...Dấu hiệu cho thấy có sự lắng nghe này là làm cho người trẻ đến với người đồng hành có cảm nhận rằng người đồng hành **có đủ thời gian** để người trẻ có thể trình bày rõ về họ...Đức Giê-su đã làm gương trong thái độ lắng nghe này khi cùng hai môn đệ trên đường về Emmaus : Người đã cho họ một thời gian dài đủ để tỉ tê...và – khi nhận ra – họ cũng bằng lòng dành cho Người thời gian để Người giúp họ nhìn thấy và nhìn ra khi họ mời Người đồng bàn với họ...để rồi – với việc Bẻ Bánh – họ đã nhận ra Người (292)...

-lắng nghe loại nhạy cảm II : lắng nghe và **phân định** : người đồng hành sẽ nghe và lắng nghe...với những suy nghĩ: Người trẻ này đang nói gì với tôi ? Họ muốn nói gì với tôi ? Và họ muốn tôi hiểu gì về những điều đang diễn ra trong tâm tư của họ ? Ở đây Đức Thánh Cha xin những người giúp bạn trẻ trong việc “Phân Định” đủ **cam đảm, sự dịu dàng và tế nhị cần thiết** để giúp bạn trẻ nhận ra sự thật của vấn đề cũng như những dối trá và những viển vông nhằm đánh lạc hướng người trẻ - những dối trá và viển vông ấy vốn ở ngay trong bản thân người trẻ cần hướng dẫn...và luôn khiến người trẻ dè dặt, ngại ngần (293)...

-lắng nghe loại nhạy cảm III : lắng nghe “**những thúc đẩy**” tiến tới mà người trẻ cảm nhận nơi chính mình – nghĩa là “điều mà người trẻ ấy thực sự muốn hướng đến”...Nhấn mạnh cho người bạn trẻ hiểu rằng điều mà bạn ấy cần – không phải là sự ham thích hời hợt của bản

thân – nhưng là những gì **làm cho Chúa hài lòng**...Nghĩa là giúp bạn trẻ ấy hiểu và có quyết tâm về cuộc sống của mình nhằm đáp lại ước muốn của Đức Ki-tô – Đấng Đang Sống và là Bạn của mỗi chúng ta (294)...

Cuối cùng – sau khi đã giúp bạn trẻ xác định rõ Ơn Gọi của mình và quyết định “lên đường”- thì người hướng dẫn có thể rút lui...và chỉ xuất hiện khi bạn trẻ thực sự cần (296)...

Bạn trẻ thân mến,

Nghĩa là Giáo Hội muốn có những người có kinh nghiệm, có nhận biết và có tâm hồn để giúp bạn cất bước “Đồng Hành với Đức Ki-tô – Đấng Đang Sống”...Dĩ nhiên những vị này đã có được những trải nghiệm quý báu khi chính bản thân họ đã – đang và vẫn luôn từng bước bên cạnh Người...như xưa Người đã từng bước bên cạnh các môn đệ trên đường về quê Emmaus – ngược hướng với Giê-ru-sa-lem...mãi cho đến khi **“mắt họ mở ra và họ nhận ra Người”** (Lc 24 , 31)...để rồi **“ngay lúc đó, họ đứng dậy, quay trở lại Giê-ru-sa-lem, gặp Nhóm Mười Một và các bạn hữu đang tụ họp tại đó”** (c. 33)...và – cùng với anh em khác – họ được nghe lời chào chúc tuyệt vời từ Đấng Phục Sinh : **“Bình an cho anh em”** (c. 36)...

Vấn đề còn lại là bạn cất bước đến với những “con người chuyên môn” ấy...Đây có thể là vị Linh Mục Quản Xứ hay Phó Xứ trong Giáo Xứ của bạn hoặc bất cứ Linh Mục nào bạn gặp ở đây đó...Có thể ngài sẽ giúp bạn và cũng có thể ngài sẽ hướng dẫn bạn đến với một “chuyên gia” mà ngài biết rõ là được chỉ định để làm công việc hướng dẫn...Đây cũng có thể là một huynh trưởng trong các Hội Đoàn Công Giáo Tiến Hành Trẻ mà bạn tin tưởng...Chúa sắp xếp để bạn có thể gặp họ miễn là bạn muốn...Và bạn hãy tin tưởng là họ sẽ lắng nghe, sẽ suy nghĩ và sẽ có cho bạn những chỉ dẫn...để bạn đến với “Đức Ki-tô – Đấng Đang Sống”...

Tuy nhiên chúng ta phải chấp nhận những “giới hạn” nơi bất cứ con người nào...để chính bản thân có được những suy nghĩ chín chắn trong chọn lựa và quyết định của chính mình : đây là cốt lõi của Phân Định...

Ngày xưa Đức Khổng Tử - bậc Thầy của thiên hạ - cũng vướng vào một trải nghiệm đắt giá để có thể răn học trò của mình rằng : ba người cùng đi đường với ta...thì nhất định sẽ có người là thầy của chúng ta...

Trải nghiệm quý báu ấy là : Khi Khổng Tử chu du liệt quốc...thì có rất nhiều người tìm đến bái ông làm thầy...Có một người nước Lỗ tên là Thúc Sơn Vô Chi – do phạm pháp – nên bị xử tội chặt một chân...Anh ta chống nạng theo Khổng Tử xin được bái làm thầy...Khổng Tử nói với anh ta:

-Anh làm việc không cẩn thận...nên đã phạm tội bị chặt một chân...Mặc dù nay anh đã tìm đến ta, nhưng không thể bù lại được, thế thì có tác dụng gì ?

Thúc Sơn Vô Chi trả lời:

-Tôi chỉ vì không hiểu rõ đạo lý...nên mới mắc sai lầm để bị tội, phải chặt mất một chân...Hôm nay, tôi tìm đến với ngài, là vì vẫn còn có thứ cao quý hơn chân, tôi muốn bảo toàn nó...Trời không nơi nào không che phủ, vạn vật đều được Đất nâng đỡ...Tôi vốn coi ngài như là Trời Đất, nhưng nào ngờ ngài lại có thái độ như thế này...

Khổng Tử nghe xong, vô cùng xấu hổ, nói với Thúc Sơn Vô Chi rằng :

-Khổng Khâu ta thực sự nông cạn...Tiên sinh sao chẳng ngồi xuống, xin tiên sinh hãy nói những đạo lý mà tiên sinh biết, tôi vô cùng cung kính lắng nghe và xin được học tập tiên sinh...

Nhưng Thúc Sơn Vô Chi chẳng để ý gì đến Khổng Tử nữa...mà lặng lẽ chống nạng bỏ đi...

Khổng Tử nói với các đệ tử :

-Hôm nay ta đã phạm một sai lầm lớn...Tại sao ta lại có thể căn cứ vào cái thiện ác trước kia của người ta để phán đoán người ta là người như thế nào cơ chứ ? Người như Thúc Sơn Vô Chi đây – do bị mắc tội mà một chân bị chặt – vậy mà vẫn luôn nỗ lực học tập để tu sửa lỗi lầm xưa, tự trau dồi bản thân. Thế thì người không có lỗi lầm thì còn thế nào...Các trò nhất định phải nhớ: cho dù chỉ có ba người trên đường cùng đi, nhất định trong đó sẽ có người là thầy của chúng ta, phải học ưu điểm của người ta, và – nếu có – thì cũng lấy khuyết điểm của họ mà soi dọi bản thân mình...để từ đó biết đường mà sửa mình...Chỉ có như vậy chúng ta mới không ngừng tiến bộ...

Nghĩa là cả cái ưu lẫn cái khuyết nơi người khác cũng đều giúp chúng ta sửa mình và tiến tới : với cái ưu...thì học hỏi và với cái khuyết...thì biết đường mà tránh...Giáo Hội không hề nghĩ rằng những mục tử của mình – kể cả những vị “đặc trách” – đã là hoàn toàn...nên người trẻ chúng ta cũng đừng ngại ngần tiếp cận – dĩ nhiên – với một thái độ bao dung, ấy là ưu thì học hỏi mà khuyết thì giúp bản thân người trẻ nhận ra...và biết đường để mà đi...

Đức Khổng Tử - vốn là bậc trí huệ - mà còn vấp dụng sự “thô thiển” rất sơ đẳng, huống chi là...Chính vì thế bạn trẻ hãy bao dung...mà đi tìm thầy...

Người viết muốn chia sẻ với các bạn trẻ một địa chỉ đáng tin cậy, đây là Nhà Tĩnh Tâm Hướng Thiện – Thiên An – La Vang, tọa lạc ngay phía sau linh địa La Vang – nơi Đức Mẹ không ngừng kêu gọi sự ăn năn, hoán cải...Nhà Tĩnh Tâm này do Đan Sĩ Linh Mục Phanxicô Xaviê Trần An đảm trách...

Đan – sĩ Linh Mục Phanxicô Xaviê vốn là một doanh nhân trẻ chuyên việc buôn bán vàng và gặt hái được khá nhiều thành công...nhờ luôn sống lịch sự, lễ phép và chân thành theo sự hướng dẫn của gia đình thời niên thiếu...Gia đình ngụ tại Giáo Xứ Cầu Rằm, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An...

Thế nhưng – trong giao tế buôn bán và mềm lòng buông thả - cậu doanh nhân trẻ Trần An sớm sống sa đọa , ăn chơi . phung phí...Tài sản cũng vì vậy mà hao mòn dần...cho đến khi hoàn toàn trắng tay...Buồn chán, thất vọng, cậu càng lún sâu vào mọi thứ sa đọa – kể cả nghiện ngập, chích hút...để quên đời...Đam mê và bạn xấu đã đưa đẩy Trần An đến chỗ phải nhúng tay vào tội phạm để rồi thân tàn ma dại và vướng vào vòng lao lý...

Thế nhưng tình yêu của mẹ, nước mắt của bà...và ý Thiên Chúa muốn đã khiến cậu bằng lòng đến Đan Viện Thiên An để tĩnh tâm và cai nghiện...Một thời gian dài vật lộn với cơn nghiện cũng như những khát vọng hời hợt của thời đã qua, Trần An đã lấy lại được bình yên và quyết định dâng mình cho Chúa...Thế là Giáo Hội có được một gương sống rất tốt cho giới trẻ khi cậu doanh nhân kinh doanh vàng bạc và tán gia bại sản ngày nào nay trở thành Đan Sĩ Linh Mục Phanxicô Trần An...Ngài quyết định xin phép Đan Viện để thành lập Nhà Tĩnh Tâm Hướng Thiện – Thiên An – La Vang với mục đích đón nhận và giúp đỡ những anh chị em nghiện ngập muốn hoàn lương



CHIẾN SỸ MẸ LA VANG

Từ ngày thành lập – tháng 8 / 2012 – đến nay, Nhà Tĩnh Tâm đã giúp được 50 người cai nghiện – trong số đó có hai người sau khi trở về gia đình...thì tái nghiện ! 48 người ở lại Trung Tâm...thì ngày càng đạo đức hơn...Họ dần dần quen với lối sống có nề nếp, đúng giờ và giờ nào việc nấy, họ sẵn sàng trao điện thoại cho cha phụ trách...và mọi sinh hoạt hoàn toàn mang tính tập thể - kể cả việc lao động để nuôi sống cộng đoàn mỗi ngày...Họ chia sẻ tất cả với niềm vui của người sống bình an, tự tại...Người viết muốn có một vài chi tiết quan trọng gửi đến bạn trẻ để mong rằng : khi bạn muốn, bạn có thể được giúp đỡ :

Thông tin liên hệ :

Gọi: 097 316 68 60

Email: trananhue@gmail.com

Facebook: <https://www.facebook.com/pg/nhatinhthamhuongthien/about/> (theo Internet)

Lm Giuse Ngô Mạnh Điệp.

VỀ MỤC LỤC

TÂN CHỈ NAN HUẤN GIÁO - CHƯƠNG IV VIỆC ĐÀO TẠO GIÁO LÝ VIÊN

1. BẢN CHẤT VÀ MỤC TIÊU CỦA VIỆC ĐÀO TẠO GIÁO LÝ VIÊN

130. Qua nhiều kỷ nguyên, Hội Thánh chưa từng bao giờ lơ là việc dành ưu tiên cho việc đào tạo giáo lý viên. Ngay từ thừa ban đầu của Kitô giáo, việc đào tạo, vốn dưới hình thức kinh nghiệm, xoay quanh cuộc gặp gỡ sống động với Đức Chúa Giêsu Kitô, được rao giảng cách

xác thực và làm chứng trong đời sống. Phẩm cách của nhân chứng đã trở nên đặc điểm nổi bật của toàn thể tiến trình đào tạo, vốn từ từ giới thiệu người tín hữu vào màu nhiệm đức tin của Hội Thánh. Trên hết mọi sự, ở một thời kỳ như hiện nay, điều quan trọng là cần phải nghiêm túc kể đến sự thay đổi nhanh chóng về xã hội và tính đa nguyên của các nền văn hóa, với những thách đố nảy sinh từ đó. Tất cả những điều này làm nổi bật sự kiện là việc đào tạo giáo lý viên đòi hỏi một sự chú ý đặc biệt bởi vì chất lượng của các sáng kiến mục vụ cần được liên kết với những người tạo ra chúng. Trước sự phức tạp và những đòi hỏi của thời đại mà chúng ta đang sống, việc các Hội Thánh địa phương phải dành đủ năng lực và tài nguyên cho việc đào tạo giáo lý viên là điều thích hợp.

131. *Đào tạo* là một tiến trình không ngừng mà, dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần và trong cung lòng sống động của cộng đồng Kitô hữu, giúp người đã được rửa tội *thành hình*, nghĩa là biểu lộ căn tính sâu sắc nhất của mình như một người con của Thiên Chúa trong sự hiệp thông sâu xa với anh em mình. Công việc của các hoạt động đào tạo như một *sự biến đổi* của con người, là kẻ nội tâm hóa sứ điệp Phúc Âm trong cuộc sống và bằng một cách nào đó để cho sứ điệp này trở thành ánh sáng và sự hướng dẫn cho đời sống trong Hội Thánh và sứ vụ của người mình. Nó là một tiến trình, xảy ra tận đáy lòng của giáo lý viên, chạm đến sự tự do của họ và không thể đơn thuần bị thu gọn thành lời chỉ dạy, khích lệ luân lý hay những kỹ thuật mục vụ được cập nhật hóa. Việc đào tạo, cũng là điều sẵn có về chuyên môn của con người, trước hết là một công việc khôn ngoan mở lòng ra cho Thần Khí của Thiên Chúa, là Đấng, nhờ việc sẵn lòng của các tham dự viên và quan tâm từ mẫu của cộng đồng, làm cho người đã được rửa tội trở nên *đồng hình đồng dạng* với Đức Chúa Giêsu Kitô, đúc trong tâm hồn họ dung nhan Người như Chúa Con (x. Gal 4:19), được Chúa Cha sai đến để rao giảng sứ điệp cứu rỗi cho người nghèo (x. Lc 4:18).

132. Việc đào tạo trước hết đặt ra mục tiêu của nó là làm cho các giáo lý viên ý thức rằng như những người đã được rửa tội họ là *những môn đệ truyền giáo* thật sự, nghĩa là những tham dự viên tích cực vào việc Phúc Âm hóa, và trên căn bản này, được Hội Thánh ban quyền để thông truyền Tin Mừng cùng *đồng hành và giáo dục* các tín hữu trong đức tin. Như thế, việc đào tạo các giáo lý viên giúp phát triển những kỹ năng cần thiết để thông truyền đức tin và để đồng hành với anh chị em mình trong sự phát triển của họ. Mục tiêu quy Kitô của huấn giáo hình thành toàn thể việc đào tạo giáo lý viên và đòi hỏi rằng họ có thể hướng dẫn cuộc hành trình dạy giáo lý một cách nào đó để làm nổi bật tính trung tâm của Đức Chúa Giêsu Kitô trong lịch sử cứu độ.

2. CỘNG ĐỒNG KITÔ HỮU LÀ NƠI ƯU TUYỂN CỦA VIỆC ĐÀO TẠO

133. “Cộng đồng Kitô hữu là nguồn gốc, địa điểm và mục tiêu của việc dạy giáo lý. Việc rao giảng Tin Mừng luôn luôn bắt đầu với cộng đồng Kitô hữu và mời gọi người ta hoán cải cùng đi theo Đức Kitô. Cũng chính cộng đồng này đón chào những người muốn biết Chúa hơn và thấm nhuần chính mình bằng đời sống mới”.[1] Đây là cung lòng mà ở đó, đối với một số phần tử, ơn gọi đặc biệt để phục vụ như giáo lý viên được phát sinh và lớn lên, là một cộng đồng thật sự, phong phú với những hồng ân và cơ hội, nhưng không tránh khỏi những giới hạn và yếu đuối. Trong thực tại của cộng đồng này, một người kinh nghiệm cụ thể về lòng thương xót của Thiên Chúa, thực thi việc chấp nhận lẫn nhau và sự tha thứ được làm cho khả thi. Cộng đồng vốn kinh nghiệm sức mạnh của đức tin và có thể sống cùng làm chứng cho tình yêu, rao giảng và giáo dục hoàn toàn cách tự nhiên. Như thế, nơi hoàn thành việc đào tạo giáo lý viên là cộng đồng Kitô hữu, trong sự đa dạng của các đặc sủng và tác vụ của nó, như môi trường thông thường trong đó một người học và sống đời sống đức tin.

134. Trong khung cảnh cộng đồng có một vai trò đặc biệt thuộc về *một nhóm giáo lý viên*: trong đó cuộc hành trình đức tin và kinh nghiệm mục vụ được chia sẻ cùng các linh mục; căn tính của giáo lý viên được trưởng thành và nỗ lực Phúc Âm hóa được biết đến nhiều hơn. Việc lắng nghe các nhu cầu của con người, việc phân định mục vụ, việc chuẩn bị cụ thể, việc thi hành và lượng giá những con đường của đức tin tạo thành những thời điểm của tiến trình đào tạo liên tục cho từng cá nhân giáo lý viên. Nhóm giáo lý viên là bối cảnh thật sự trong đó mỗi người có thể được tiếp tục Phúc Âm hóa và tiếp tục mở lòng ra cho những đóng góp mới về đào tạo.

3. CÁC TIÊU CHUẨN CHO VIỆC ĐÀO TẠO

135. Trong việc đào tạo giáo lý viên phải nhớ kỹ một vài tiêu chuẩn được coi như linh hứng cho các chương trình đào tạo. Vì các giáo lý viên phải được đào tạo để Phúc Âm hóa trong thế giới hiện nay, nên sẽ cần phải sử dụng sự khôn ngoan để hòa hợp sự chú ý của con người với chân lý của đức tin, sự phát triển cá nhân và khía cạnh cộng đồng, chăm lo cho động lực tinh thần và việc dấn thân vào nỗ lực dành cho công ích. Một số ít tiêu chuẩn nên được kể đến một cách đặc biệt hơn.

a. *Linh đạo truyền giáo và Phúc Âm hóa*: điều sống còn là toàn thể tiến trình đào tạo phải được thấm nhuần bởi tính trung tâm của kinh nghiệm tâm linh trong một viễn cảnh truyền giáo. Để tránh nguy cơ rơi vào một tình trạng quá chú tâm đến việc mục vụ cần cỗi, các giáo lý viên phải được đào tạo như môn đệ truyền giáo có khả năng khởi hành lại từ kinh nghiệm về Thiên Chúa của mình, là Đấng sai họ đi cùng với anh chị em trong cuộc hành trình của họ. Linh đạo

truyền giáo này, được hiểu như một cuộc gặp gỡ với những người khác, một nỗ lực trong thế gian, và một đam mê trong việc Phúc Âm hóa nuôi dưỡng đời sống của giáo lý viên và cứu họ khỏi chủ nghĩa cá nhân, quá chú tâm đến mình, khỏi cuộc khủng hoảng bản sắc, và mất nhiệt tình.

b. *Dạy giáo lý là một việc đào tạo toàn bộ*: đây là một vấn đề “đào tạo giáo lý viên để có thể truyền thông không những một giáo huấn, mà một đào tạo toàn thể đời sống Kitô hữu, qua việc phát huy ‘nhiệm vụ khai tâm, giáo dục, và dạy dỗ’. Các giáo lý viên phải có khả năng, lập tức và đồng thời, trở thành các thầy giáo, nhà giáo dục và nhân chứng của đức tin.”[2] Vì lý do này, việc đào tạo giáo lý viên cũng phải được linh hứng từ kinh nghiệm dự tòng là điều, trong số các yếu tố khác của nó, được đặc trưng bởi cái nhìn toàn diện của đời sống Kitô hữu này.

c. *Kiểu đồng hành*: Hội Thánh cảm thấy nhiệm vụ đào tạo các giáo lý viên của mình về nghệ thuật đồng hành cá nhân, cả bằng cách đề ra cho họ kinh nghiệm đang được đồng hành để lớn lên trong việc làm môn đệ, lẫn giúp họ có khả năng và sai họ ra đồng hành với anh chị em mình. Kiểu này đòi hỏi phải sẵn lòng cách khiêm nhường để cho mình được chạm đến bởi các vấn đề và chạm trán bởi các hoàn cảnh của cuộc sống, với cái nhìn đầy trắc ẩn nhưng cũng kính trọng sự tự do của người khác. Sự phát triển mới mà các giáo lý viên được mời đến nằm ở sự gần gũi, sự chấp nhận vô điều kiện và vô vị lợi mà với nó họ sẵn sàng bước đi cạnh những người khác để lắng nghe họ và giải thích Thánh Kinh (x. Lc 24:13-35; Cv 8:26-39), mà không thiết lập lộ trình trước. không đòi hỏi thấy kết quả, cũng không giữ lại bất cứ điều gì cho mình.[3]

d. *Sự nhất quán giữa các kiểu đào tạo*: “Nhu một tiêu chuẩn chung, cần phải nhấn mạnh đến nhu cầu có một sự nối kết mạch lạc giữa phương pháp sư phạm tổng quát của việc đào tạo giáo lý viên và phương pháp sư phạm thích hợp với tiến trình dạy giáo lý. Rất khó cho một giáo lý viên trong một sinh hoạt giáo lý cải tiến cách dạy giáo lý và tính nhạy cảm nếu giáo lý viên ấy không được giới thiệu những cách ấy trong khi đào tạo.”

e. *Một thái độ sẵn sàng học hỏi và tự đào tạo*: các khoa học đào tạo cho thấy một số thái độ như điều kiện cho một cuộc hành trình đào tạo có kết quả. Trước hết, giáo lý viên cần phát huy khả năng sẵn sàng học hỏi, nghĩa là sẵn lòng để cho ân sủng, sự sống và những con người chạm đến với một thái độ bình thản hướng về thực tại ngõ hầu *học cách học thế nào*. Hơn nữa, việc sẵn lòng tự đào tạo là điều giúp cho giáo lý viên biến một phương pháp đào tạo thành của riêng mình và có khả năng áp dụng nó vào chính mình và việc phục vụ Hội Thánh của mình. Cụ thể mà nói, đây là vấn đề biết mình là một

tham dự viên luôn được đào tạo và mở lòng ra cho những điều mới mẻ trong Thần Khí, có khả năng chăm sóc và nuôi dưỡng đời sống đức tin của chính mình cách độc lập, chấp nhận nhóm giáo lý viên như một nguồn lực cho việc học hỏi, chăm lo và cập nhật hóa.

f. *Động năng của phòng thí nghiệm*^[4] trong bối cảnh nhóm, như một thực hành đào tạo trong đó đức tin được *học bằng thực hành*, nghĩa là đánh giá cao các kinh nghiệm, các đóng góp, và việc tái hình thành của mỗi người trong viễn cảnh học qua trong khi biến đổi.

4. CÁC CHIỀU KÍCH CỦA VIỆC ĐÀO TẠO

136. Việc đào tạo giáo lý viên bao gồm một số chiều khác nhau. Chiều kích sâu nhất liên quan đến việc *là* một giáo lý viên, thậm chí trước khi làm một giáo lý viên. Thực ra, việc đào tạo giúp một giáo lý viên trưởng thành như một tín hữu, và như một tông đồ. Chiều kích này ngày nay cũng được nhìn đến theo nghĩa “*biết cách ở cùng*”, là điều cho thấy đặc tính cá nhân luôn luôn là đặc tính liên hệ như thế nào. Hơn nữa, để cho một giáo lý viên thì hành nhiệm vụ của mình cách đầy đủ, việc đào tạo cũng chú ý đến khía cạnh *kiến thức*, ám chỉ hai chiều kích trung thành với sứ điệp và với con người trong bối cảnh mà họ sống. Cuối cùng, vì việc dạy giáo lý là một hoạt động truyền thông và giáo dục, việc đào tạo không bỏ qua chiều kích *tài khéo (savoir-faire)* về thực hành.

137. Không được coi các chiều kích của việc đào tạo giáo lý viên như độc lập với nhau, nhưng trái lại như liên hệ một cách mật thiết với nhau, như những bình diện của sự hợp nhất bất khả phân ly của một con người. Để sự phát triển của một giáo lý viên được hài hòa, thì điều thích hợp là công việc đào tạo phải cẩn thận không nhấn mạnh nhiều đến chiều kích này hơn chiều kích khác, nhưng thay vào đó tìm cách đẩy mạnh một sự phát triển cân bằng, chú tâm vào những chiều kích có vẻ thiếu sót nhất.

138. Mặt khác, nỗ lực đạt được những khả năng này không được dẫn đến việc nghĩ về các giáo lý viên như những nhân viên với tài chuyên môn trong nhiều lãnh vực khác nhau, nhưng chủ yếu như những người đã kinh nghiệm tình yêu của Thiên Chúa, và như những người, chỉ vì lý do này, tự nguyện phục vụ việc rao giảng Nước Trời. Việc ý thức về các giới hạn của mình không thể cản trở giáo lý viên trong việc đón nhận ơn gọi phục vụ; trái lại, họ có thể đáp lại ơn gọi ấy dựa trên mối liên hệ sống động của họ với Chúa và trên ước muốn sống đời Kitô hữu với lòng chân thành, quảng đại phân phát cho cộng đồng “năm chiếc bánh và hai con cá” (x. Mt 6:38) đặc sủng riêng của mình. “Chúng ta muốn được huấn luyện tốt hơn [...] Sự bất toàn của chúng

ta không phải là một lý do để thoái thác; trái lại, việc truyền giáo là một thôi thúc liên tục để không chìm vào tình trạng tầm thường và để tiếp tục lớn lên”.[5]

Là và “biết cách ở cùng”: sự trưởng thành về nhân bản và Kitô hữu cùng ý thức truyền giáo

139. Trong chiều kích là, giáo lý viên được đào tạo để trở thành một *nhân chứng của đức tin* và *người gìn giữ kỷ niệm về Thiên Chúa*. Việc đào tạo giúp giáo lý viên tái quan tâm đến hoạt động dạy giáo lý của mình như một cơ hội để phát triển về nhân bản và đời sống Kitô hữu. Dựa trên một sự trưởng thành nhân bản ban đầu, giáo lý viên được mời gọi liên tục lớn lên trong quân bằng tình cảm, cảm thức phê phán, sự hợp nhất và tự do nội tâm, những liên hệ sống vốn nâng đỡ và phong phú hóa đức tin. “Trên hết, việc đào tạo, nuôi dưỡng đời sống tâm linh của giáo lý viên, để hoạt động của họ nảy sinh trong sự thật từ chính đời sống làm nhân chứng của họ”. [6] Như thế, việc đào tạo nâng đỡ ý thức về truyền giáo của giáo lý viên, qua việc nội tâm hóa các đòi hỏi của Nước Trời mà Chúa Giêsu đã bày tỏ. Việc đào tạo để trưởng thành về nhân bản, đời sống Kitô hữu và truyền giáo đòi hỏi một sự đồng hành chắc chắn theo thời gian, bởi vì nó làm việc tận cốt lõi phát sinh ra hoạt động của con người.

140. Trên nền tảng mức độ nội tâm này, nảy sinh việc “*biết cách ở cùng*”, như một khả năng tự nhiên cần thiết cho việc dạy giáo lý vốn được hiểu như một hành vi giáo dục và truyền thông. Thực ra khả năng này có tính liên hệ, là điều gắn liền với chính bản chất con người (x. St 2:18), mà sự hiệp thông Hội Thánh được ghép vào. Việc đào tạo giáo lý viên cần thận tỏ bày và khuyến khích sự phát triển khả năng liên hệ này, là điều được cụ thể hóa trong việc sẵn lòng sống những mối liên hệ nhân bản và Hội Thánh một cách huynh đệ và bình thản. [7]

141. Khi nhắc lại quyết tâm cổ vũ sự trưởng thành về nhân bản và đời sống Kitô hữu của các giáo lý viên, Hội Thánh nhắc nhở chúng ta về nhiệm vụ nhất định đảm bảo rằng, khi Hội Thánh thi hành sứ vụ của mình, mọi người, đặc biệt là trẻ em và những người dễ bị tổn thương, được bảo đảm một sự che chở tuyệt đối khỏi bất cứ hình thức lạm dụng nào. “Để cho các hiện tượng này, dưới tất cả mọi hình thức của nó, không bao giờ xảy ra nữa, cần có một sự hoán cải tâm hồn liên tục và sâu xa, được chứng minh bằng những hành động cụ thể và hữu hiệu liên quan đến tất cả mọi người trong Hội Thánh ngõ hầu sự thánh thiện cá nhân và quyết tâm về luân lý có thể đóng góp vào việc quảng bá tính hoàn toàn đáng tin cậy của sứ điệp Tin Mừng và hiệu quả của sứ vụ của Hội Thánh”. [8]

142. Giáo lý viên, vì việc phục vụ của họ, giữ một địa vị tương đối với những người mà họ đồng hành trong đức tin và được những người ấy coi như một điểm tham chiếu, vốn thực thi

một số quyền hành nào đó. Cho nên vai trò này cần phải được thực hiện với sự tôn trọng lương tâm và nhân vị của người khác một cách tuyệt đối nhất, tránh mọi loại lạm dụng, dù là quyền hành, lương tâm, tài chánh, hoặc tính dục. Các giáo lý viên, trong các chương trình đào tạo của họ và qua một cuộc đối thoại chân thành với các vị linh hướng, phải được giúp đỡ để nhận ra những cách thực thi đúng đắn quyền hành với mục đích duy nhất là phục vụ anh chị em mình. Hơn nữa, để không phản bội niềm tin của những người được trao cho họ, họ cần phải biết phân biệt giữa *tòa ngoài* và *tòa trong* và phải học biết hết sức tôn trọng sự tự do thánh thiêng của tha nhân, mà không vi phạm hoặc thao túng nó cách này hay cách khác.

Kiến thức: đào tạo về thần học thánh kinh cùng sự hiểu biết về con người và bối cảnh xã hội

143. Giáo lý viên cũng là một thầy giáo, người dạy về đức tin. Thực ra, trong khi nhận việc làm nhân chứng là đức tính chính của mình, họ không quên rằng họ cũng có trách nhiệm truyền lại đức tin của Hội Thánh. Cho nên việc đào tạo của họ phải dành chỗ cho việc học hỏi sứ điệp được truyền lại trong tương quan với bối cảnh văn hóa, Hội Thánh và đời sống của người nghe. Cần không được đánh giá thấp nhu cầu về bình diện này của việc đào tạo, là điều liên kết mật thiết với ao ước đào sâu sự hiểu biết về Đấng mà nhờ đức tin người giáo lý viên đã nhận là Chúa của mình. Việc thấu triệt nội dung đức tin như sự khôn ngoan của đức tin xảy ra trên hết nhờ quen thuộc với Thánh Kinh và học sách *Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo*, sách giáo lý của Hội Thánh địa phương và các tài liệu Huấn Quyền.

144. Vì điều này mà giáo lý viên cần biết:

- Những phần chính của lịch sử cứu độ: Cựu Ước, Tân Ước, và lịch sử Hội Thánh, trong ánh sáng Mầu Nhiệm Vượt Qua của Đức Chúa Giêsu Kitô;

- Điểm chính thiết yếu của sứ điệp và kinh nghiệm Kitô giáo: Kinh Tin Kính, phụng vụ và các bí tích, đời sống luân lý và cầu nguyện.

- Các yếu tố chính của Huấn Quyền Hội Thánh về rao giảng Tin Mừng và dạy giáo lý.

Hơn nữa, ở một phần của thế giới, nơi mà các truyền thống Hội Thánh cùng chung sống, các giáo lý viên phải có những hiểu biết tổng quát về thần học, phụng vụ và kỷ luật bí tích của các anh em mình. Cuối cùng, trong những bối cảnh đại kết và đa nguyên về tôn giáo, cần phải chăm lo sao cho các giáo lý viên quen thuộc với những yếu tố thiết yếu của đời sống và thần học

của các Hội Thánh và các cộng đồng Kitô hữu và các tôn giáo khác, ngõ hầu, với sự tôn trọng căn tính của mọi người, cuộc đối thoại có thể trở nên chân chính và có kết quả.

145. Trong việc trình bày sứ điệp, trong bất cứ trường hợp nào cũng phải chú ý đến việc phải được làm sao để sứ điệp có thể được đón chào và đón nhận một cách tích cực. Cho nên cần phải tổng hợp:

- *Đặc tính chính xác và thuộc về lời rao giảng đầu tiên*, đến nỗi các yếu tố khác nhau của đức tin có thể được trình bày theo một cái nhìn thống nhất và có hệ thống để có khả năng thu hút kinh nghiệm của con người.

- *Đặc tính kể chuyện của tường thuật Thánh Kinh*, là điều “luôn luôn đòi hỏi phải tiếp cận Thánh Kinh trong đức tin và trong Thánh Truyền của Hội Thánh để cho Lời của Thánh Kinh được lĩnh hội như sống động [...] và như thế giúp cho mỗi tín hữu nhận ra rằng câu chuyện này cũng là một phần của chính đời sống họ”.[\[9\]](#)

- *Một kiểu dạy giáo lý của nội dung thần học*, vốn lưu tâm đến các điều kiện của đời sống con người,

- *Một sự hiểu biết về khoa học giáo*, là khoa cho thấy rằng đức tin không chống lại lý trí và làm nổi bật những chân lý về nhân học chính xác, được soi sáng bởi lý trí tự nhiên; vai trò của *preambula fidei* (*dẫn nhập vào đức tin*) được nhấn mạnh ngõ hầu “[khai triển] những tiếp cận và lý luận mới về tính đáng tin cậy, một hệ giáo đầy sáng kiến có thể khuyến khích mọi người mở lòng ra nhiều hơn với Tin Mừng”.[\[10\]](#)

146. Cùng với lòng trung thành với sứ điệp đức tin, giáo lý viên được mời gọi hiểu biết về con người trong sự cụ thể của bối cảnh văn hóa xã hội mà trong đó họ sống. Như tất cả mọi Kitô hữu, thậm chí hơn nữa là các giáo lý viên, phải “sống trong sự kết hợp rất mật thiết với những người khác của thời đại họ và chớ gì họ cố gắng hoàn toàn hiểu cách suy nghĩ và phán đoán của những người ấy, như được thể hiện trong văn hóa của họ” (GS 62). Sự hiểu biết này có được qua kinh nghiệm và không ngừng suy tư về nó, nhưng cũng nhờ sự đóng góp của các khoa học nhân văn, theo ánh sáng của học thuyết xã hội của Hội Thánh; Trong số những điều này, nên lưu ý cách đầy đủ đến khoa tâm lý học, xã hội học, sư phạm, các khoa học về giáo dục, đào tạo, và truyền thông. Hội Thánh cảm thấy được mời gọi để tham gia vào các khoa học này vì những đóng góp mà Hội Thánh có thể làm cho cả việc đào tạo giáo lý viên lẫn chính tiến trình dạy giáo lý. Thực ra, thần học và các khoa học nhân văn có thể phong phú hóa lẫn nhau.

147. Có một số tiêu chuẩn giúp xác định việc sử dụng các khoa học nhân văn trong việc đào tạo giáo lý viên:[11]

- *Tôn trọng tính tự trị của các khoa học*: Hội Thánh “khẳng định tính tự trị hợp pháp của nền văn hóa nhân loại và nhất là của các khoa học” (GS 59).

- *Phân định và lượng giá các thuyết khác nhau về tâm lý, xã hội và sự phạm để có thể đánh giá cao giá trị và nhận ra những giới hạn của chúng.*

- Sự đóng góp của các khoa học nhân văn được tháp nhập vào *quan điểm đức tin và dựa trên khoa nhân học Kitô giáo.*

Savoir-fair (kỹ năng): đào tạo về sự phạm và phương pháp

148. Trên bình diện *kỹ năng*, giáo lý viên được đào tạo để lớn lên như một nhà giáo và *người truyền thông*. “Giáo lý viên là nhà giáo biết tạo điều kiện thuận lợi cho sự trưởng thành đức tin mà người dự tòng hay học viên giáo lý thực hiện với sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần. Điều đầu tiên phải quan tâm trong lãnh vực có tính quyết định này là tôn trọng khoa sự phạm nguyên thủy của đức tin”. [12] Giáo lý viên, khi nhận ra rằng thánh giả của mình là một người tích cực tham gia mà trong họ ân sủng của Thiên Chúa làm việc cách năng động, sẽ tự cho mình là một người điều hợp cách kính trọng một kinh nghiệm đức tin mà mình không điều khiển.

149. Việc đào tạo về sự phạm của giáo lý viên phải phát triển một vài thái độ trong họ, kể cả:

- a. *Khả năng tự do nội tâm và vô vị lợi, sự tận tâm và kiên định* để làm một nhân chứng đáng tin cậy cho đức tin.

- b. *Tài chuyên môn về truyền thông và kể chuyện về đức tin* như khả năng trình bày lịch sử cứu độ một cách sống động để người ta có thể cảm thấy là một phần của lịch sử ấy.

- c. *Sự trưởng thành của một tinh thần giáo dục* bao hàm việc sẵn lòng xây dựng các mối liên hệ trưởng thành với những con người và khả năng hướng dẫn các hoạt động nhóm, nuôi dưỡng việc linh hoạt hóa các tiến trình học hỏi cho cả cá nhân lẫn cộng đồng.

d. *Việc xử lý cách bình thản những liên hệ giáo dục* trong khả năng cảm thông của nó, hòa điệu với thế giới nội tâm của người khác và sẵn sàng diễn tả cảm xúc của mình.

e. *Khả năng chuẩn bị một lộ trình đức tin* hệ tại việc kể đến những hoàn cảnh văn hóa xã hội; sử dụng các ngôn từ, kỹ thuật, và công cụ với óc sáng kiến; lượng giá.

Tuy nhiên, tiến trình giáo dục, một khung cảnh giá trị cho việc phát triển và đối thoại, là điều cũng bao gồm kinh nghiệm về các sai lầm và các giới hạn, đòi hỏi phải kiên nhẫn và tận tâm. Thật là một ý tưởng tốt khi phát triển một sự sẵn lòng để cho mình được giáo dục trong khi giáo dục người khác; thực ra, chính kinh nghiệm là một phòng thí nghiệm của việc đào tạo mà trong đó việc học hỏi được thâm thúy nhất.

150. Như một nhà giáo dục, giáo lý viên cũng có chức năng là thành viên trung gian trong cộng đồng và thực thi tác vụ dạy giáo lý với một *thái độ hiệp thông*. Thực ra, giáo lý viên thực hành tiến trình dạy giáo lý này không phải như một cá nhân, nhưng cùng với cộng đồng và nhân danh cộng đồng. Vì lý do này, họ biết cách làm việc trong sự hiệp thông, tìm cách tham gia với nhóm giáo lý viên và những người làm mục vụ khác. Hơn nữa, họ được mời gọi chăm sóc cho phẩm chất của mỗi liên hệ và thúc đẩy các hoạt động trong nhóm học viên giáo lý.

5. VIỆC ĐÀO TẠO VỀ HUẤN GIÁO CHO CÁC ỨNG VIÊN CỦA BÍ TÍCH TRUYỀN CHỨC THÁNH

151. Trong quan tâm của Hội Thánh về việc dạy giáo lý, có một hình thức trách nhiệm thuộc về những người được đào tạo thành các thừa tác viên Lời Chúa qua bí tích Truyền Chức Thánh. Thực ra, phẩm chất của việc dạy giáo lý trong một cộng đồng tùy thuộc một phần vào các thừa tác viên có chức thánh là những người chăm sóc nó. Đó là lý do tại sao việc đào tạo các ứng viên của bí tích Truyền Chức Thánh không thể thiếu kiến thức đặc biệt về rao giảng và dạy giáo lý (x. OT 19). Một đào tạo đầy đủ cho các linh mục và phó tế vĩnh viễn tương lai trong lãnh vực này trở nên rõ ràng qua những dấu chỉ cụ thể: say mê rao giảng Tin Mừng; khả năng dạy giáo lý cho các tín hữu; khả năng đối thoại với nền văn hóa; tinh thần phân định; sẵn sàng đào tạo các giáo lý viên giáo dân và làm việc với họ; óc sáng tạo trong việc soạn thảo các lớp nhằm giáo dục đức tin; cùng những tiêu chuẩn về đào tạo đã được trình bày cũng áp dụng cho các ứng viên của bí tích Truyền Chức Thánh.

152. Cho nên trong các chủng viện và các viện đào tạo cần:

a. Thấm nhuần các ứng viên, qua việc đào tạo tâm linh, bằng một tinh thần truyền giáo thúc đẩy họ công khai rao giảng Tin Mừng cho những người không biết nó và cũng không bỏ bê việc giáo dục mọi người đã được rửa tội về đức tin;

b. Đảm bảo những kinh nghiệm về lời rao giảng ban đầu và thực tập nhiều hình thức dạy giáo lý khác nhau;

c. Dẫn nhập họ vào một sự hiểu biết chi tiết và sâu xa của sách *Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo*.

d. Khám phá *Nghi Thức Khai Tâm Kitô giáo cho Người Trưởng Thành* như một công cụ hữu ích cho việc dạy giáo lý và hiệp nhiệm;

e. Trình bày những chỉ dẫn của Hội Thánh địa phương tương ứng về việc dạy giáo lý;

f. Đảm bảo một chỗ trong học trình cho việc nghiên cứu về khoa giáo lý, [tài liệu của] Huấn Quyền về những vấn đề liên quan đến việc dạy giáo lý, về sự phạm và những khoa học nhân văn khác.

153. Các Giám mục phải lo sao cho những chỉ dẫn được nhắc đến ở trên được sát nhập vào các chương trình đào tạo các chủng sinh và các ứng viên phó tế vĩnh viễn. Các ngài cũng phải chú ý nhiều đến việc đào tạo về huấn giáo cho các linh mục, trên hết trong bối cảnh đào tạo liên tục của họ. Mục đích của chú ý này là quảng bá việc đương thời hóa huấn giáo và mục vụ cần thiết để thúc đẩy một sự kết hợp chặt chẽ hơn và trực tiếp hơn của các linh mục với sinh hoạt giáo lý đồng thời giúp họ cảm thấy liên hệ với hoạt động đào tạo giáo lý viên.

6. CÁC TRUNG TÂM ĐÀO TẠO

Các trung tâm đào tạo căn bản cho giáo lý viên

154. *Các trung tâm đào tạo căn bản cho giáo lý viên*, dù của giáo xứ, liên giáo xứ, hay giáo phận, có nhiệm vụ trình bày một chương trình đào tạo cơ bản có hệ thống. Thật là một ý tưởng tốt để cung cấp một chương trình đào tạo về những nội dung cơ bản, trình bày một cách đơn giản, nhưng với một kiểu đào tạo đầy đủ để thỏa mãn nhu cầu hiện tại. Việc đào tạo này, vốn có giá trị *hệ thống* bởi vì nó truyền đạt một cái nhìn tổng quát, phải có *chất lượng cao* và được đảm bảo bởi việc sử dụng các nhà đào tạo chuyên môn với một kinh nghiệm mục vụ tốt và nhạy cảm. Vì việc đào tạo cũng cung cấp các cơ hội để biết và chia sẻ tư tưởng với các giáo lý viên khác, nó cũng nuôi dưỡng sự hiệp thông của Hội Thánh.

Các trung tâm chuyên nghiệp cho các nhân viên và lãnh đạo giáo lý

155. *Các trung tâm chuyên nghiệp*, dù là giáo phận, liên giáo phận, hay quốc gia có mục đích cổ vũ việc đào tạo những người điều hành và các nhân viên của ngành dạy giáo lý, hoặc các giáo lý viên có ý định chuyên môn bởi vì họ dấn thân vào việc phục vụ này một cách vững chắc hơn. Mức độ đào tạo của các trung tâm này là mức độ đòi hỏi hơn và như thế việc tham dự cũng cường độ hơn và kéo dài trong một thời gian. Bắt đầu với một nền tảng đào tạo được chia sẻ giữa bản chất xã hội và nhân học để trở thành những phòng thí nghiệm của việc đào tạo có tinh thực nghiệm hơn, các trung tâm này vun trồng những ngành chuyên môn về huấn giáo coi như cần thiết cho các đòi hỏi riêng của các miền của Hội Thánh. Các trung tâm này phải có một khả năng đặc biệt để cổ vũ việc đào tạo các nhân viên có khả năng để đến phiên họ đảm bảo việc đào tạo liên tục các giáo lý viên khác, và vì lý do này phải cảm thấy sự cần thiết của việc đồng hành cách cá nhân của các tham dự viên. Có thể thích hợp để các nguồn tài nguyên của các trung tâm này, với sự cộng tác của các văn phòng mục vụ khác của giáo phận hay của Hội Thánh địa phương, được cung cấp cho các nhân viên của các ngành mục vụ khác nhau, trở thành *trung tâm đào tạo cho những người làm mục vụ*.

Các học viện cao đẳng cho các nhà chuyên môn về huấn giáo

156. *Các học viện cao đẳng cho các nhà chuyên môn về huấn giáo*, dù thuộc về quốc gia hay quốc tế, cung cấp cho các linh mục, các phó tế, những người được thánh hiến, và giáo dân một chương trình đào tạo ở mức độ cao, nhằm mục đích chuẩn bị các giáo lý viên có khả năng điều hợp việc dạy giáo lý ở cấp giáo phận hoặc trong lãnh vực các hoạt động của các dòng tu. Các học viện cao đẳng này cũng đào tạo các giáo sư về huấn giáo cho các chủng viện, các viện đào tạo của dòng tu, hay các trung tâm đào tạo giáo lý viên, hoặc cổ vũ việc nghiên cứu về huấn giáo. Các học viện này được cấu trúc như *các học viện thật của đại học* về tổ chức học trình, thời gian kéo dài của các môn học, và các điều kiện nhập học. Vì tầm quan trọng của chúng trong sứ vụ của Hội Thánh, hy vọng rằng các học viện đào tạo giáo lý hiện có được nâng cao và các học viện mới được phát sinh. Các Giám mục phải đặc biệt chăm lo trong việc chọn lựa những người được gửi đến và nâng đỡ những trung tâm học thuật này để không bao giờ thiếu những chuyên gia trong việc dạy giáo lý trong giáo phận của mình.

[1] GDC 254.

- [2] GDC 237, cũng x. Thánh Bộ Giáo Sĩ, *Chỉ Nam Chung về Huấn Giáo* (11 tháng 4 năm 1971), 31.
- [3] GDC 237. X. EG 171: “Hơn bao giờ hết, ngày nay chúng ta cần những người nam nữ là những người, dựa vào kinh nghiệm đồng hành với những người khác, quen thuộc với các tiến trình đòi hỏi phải có đức khôn ngoan cẩn trọng”.
- [4] X. Gioan Phaolô II, *Huấn từ trong Buổi Canh Thức Cầu Nguyện tại Tor Vergata cho Ngày Giới Trẻ Thế Giới thứ XV* (19 tháng 8 năm 2000): tiến trình kinh nghiệm cách cụ thể hành động đức tin như một yếu tố của việc biến đổi nội tâm được Đức Gioan Phaolô II trình bày như một phòng thí nghiệm của đức tin.
- [5] EG 121.
- [6] GDC 239.
- [7] Về bình diện này, x. các số 88-89 (Giới thiệu vào đời sống cộng đồng) của Chỉ Nam này.
- [8] Phanxicô, Tông Thư *Vos estis lux mundi* (7 tháng 5 năm 2019).
- [9] Bênêđictô XVI, Tông Huấn Hậu Thượng Hội Đồng Giám Mục *Verbum Domini* (30 tháng 9 năm 2010), 74.
- [10] EG 132; x. Thượng Hội Đồng Giám Mục, Đại Hội Đồng XIII, *Tân Phúc Âm hóa để truyền thụ đức tin Kitô giáo*. Danh sách những góp ý chung cuộc (22 tháng 10 năm 2012), 17.
- [11] X. GDC 241.
- [12] GDC 244.

Phaolô Phạm Xuân Khôi

VỀ MỤC LỤC

VIRUS GALEN

Vị bác sĩ có ảnh hưởng y học trong suốt thế kỷ thứ 15 được sinh ra tại một thị trấn trước đây thuộc Hy Lạp Pergamum (ngày nay là Bergama, Thổ Nhĩ Kỳ) vào khoảng 129 AD. Claudius Galenus hoặc Galen là một thần đồng, viết ba cuốn sách lúc mới 13 tuổi.

Sau khi đã hoàn tất toán học, canh nông, thiên văn học, và triết học, anh ta trở lại học y khoa và, trong 12 năm (thời đó học quá lâu) tại thành phố của mình và tại Smyrna, Corinth và quan trọng hơn, tại Alexandria.

Trở lại Pergamum, anh ta dành ba năm làm y sĩ cho các đấu sĩ, dùng các vết thương như cửa sổ của cơ thể để học cơ thể học.

Năm 162 AD, khi được 33 tuổi, Galen đến La Mã. Để mọi người biết mình là ai, ông ta biểu diễn cơ thể học và tài nghệ về giải phẫu, đôi khi trước sự hiện diện của nhiều nhân vật quan trọng nhất của đế chế. Một trong những chuyên môn của ông là mổ dây thần kinh ở cổ một con heo còn sống. Trong khi phục vụ họ thì con heo tiếp tục kêu và khi Galen cắt một trong những dây thần kinh cuống họng (mà ngày nay được gọi là dây thần kinh Galen) thì tiếng kêu ré của con heo ngưng và nhường cho tiếng reo kính trọng của quần chúng. Ít người biết rằng, với tiếng kêu khụt khịt này, Galen đã bác bỏ tin tưởng của nhóm Aristotelian là khả năng tinh thần nằm ở trái tim mà không ở não, qua dây thần kinh. Galen mổ rất nhiều động vật kể cả hai con voi nhưng mổ hai xác người là đáng kể.

Danh vọng của Galen ngày một lên cao đồng thời khách hàng cũng tăng cho đến khi có cả khách là vua Marcus Aurelius. Galen trở nên rất giàu, có lần ông đòi lãnh sự Boethus trả 400 tiền vàng (khoảng 15 lần nhiều hơn giá trung bình) để thực hiện một vụ mổ về ban đêm cho vợ ông ta.

Thống nhất y khoa.

Qua nghiên cứu về cơ thể học, Galen đã đóng góp rất nhiều cho sự hiểu biết về y học, mặc dù ông tập trung vào súc vật nhưng một số chi tiết đều không đúng khi áp dụng vào con người. Cũng như khi nghiên cứu về dây thần kinh, ông đã hiểu rõ vai trò của máu đối với các mô bào, chứng minh rằng động mạch và tĩnh mạch đều chứa máu và nói rõ hậu quả của các vết thương lên dây thần kinh cột sống. Ông không ngần ngại khi trái ý với các trường y khác ở La Mã. Nhưng có lẽ điều quan trọng hơn cả là ông đã nhấn mạnh vào sự thống nhất của y học-đầu và bàn tay-thầy thuốc và giải phẫu gia, lý luận và kinh nghiệm.

Galen là một người ngạo mạn và khó tính, dùng sự học và lời nói khéo của mình để đối thủ phải khuất phục. Khi bất chợt phải rời La Mã vào AD 166 để sống ở Pergarmum trong ba năm, ông e rằng sẽ bị các đối thủ với ông ám sát. Có thể là ông đã viết tới 6000 tác phẩm nhưng trong đó không một lần nào nhắc nhở tới bạn bè mà cũng không có một bức tượng nào được dựng lên vì tài nghệ y học của ông -có lẽ không ngạc nhiên gì mà người ta sẽ nhớ rằng ông từng nói: “ Ai muốn tìm danh vọng chỉ cần biết những gì tôi đã hoàn tất”. Lạ lùng thay, chính sự khinh miệt của Galen với các bức tranh của Herophilus và đặc biệt là Erasistratus, người mà ông không ưa vì Alexandrian không tin tưởng vào bốn thể dịch: máu, đờm, nước mắt, sủu muộ, khiến ông ta viết rất dài về các gia trưởng y học để họ có chỗ đứng trong lịch sử y học.

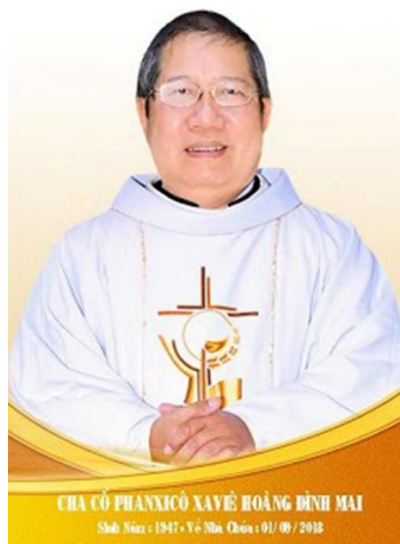
Nhưng phần mà Galen viết và các những cải cách về cơ thể học của ông chỉ tới tay quần chúng vào cuối Middle Ages. Và bất hạnh thay, số phận các bài viết về sau của ông cũng vậy. Galen đã nâng lý thuyết của người Hy Lạp về bốn thể dịch máu, đờm, nước mắt và sảu muộn thành y học tương đương với thánh lệnh và về sau này chúng sẽ là một phần của giáo điều. Những hoàn tất lớn lao của ông về dược khoa-các phương thuốc, mà không phương thuốc nào công hiệu, thường được dịch ra tiếng La Tinh từ nguyên bản Hy Lạp- vẫn được dùng để tham khảo trong nhiều thế kỷ; và cách chích máu xuất sắc của ông với điều được khen ngợi nhất đều chịu trách nhiệm về bệnh và nhiều tử vong. Nhưng có lẽ tai hại nhất là Galen đã tin tưởng rằng mọi sự là một phần của việc lớn, phần mà ta có thể thấy được. Bất hạnh thay, nếu chứng cứ không hợp với kế hoạch này, ông ta sẽ phớt lờ nó hoặc cố gắng giải thích cách khác; mặc dù không có bằng chứng ông sẽ tuyên bố là giả thử. Chương trình vĩ đại này được người Thiên Chúa Giáo theo và họ thêm vào quan niệm về sự đau khổ của con người. Trong những thế kỷ kế tiếp, phê bình kế hoạch và bốn thể dịch đều bị phạt rất nặng. Do đó, sự tiến bộ của y học ngưng lại trong nhiều thiên niên kỷ.

Bác Sĩ Nguyễn Ý-Đức, MD.

VỀ MỤC LỤC

CHẠY...

LỜI TẠM BIỆT:



Nhân ngày giỗ 2 năm 01.9.2020
Kính xin mọi người hiệp thông
cầu nguyện cho Cha Cố
PX. Hoàng Đình Mai
Xin chân thành cảm ơn

Quán trọ đời chân trần nay đã mãi,

Chào mọi người tôi tạm biệt ra đi,
Đột ngột chia tay chẳng kịp nói gì.
Xin nhắn gửi đôi lời ai ở lại:
"Quà Tặng Tin Mừng" đang đợi tiếp theo...
"Cơm Yêu Thương" giúp ung thư ngặt nghèo.
Đa tạ tấm lòng chung tình bác ái.
Làm đẹp lòng Thiên Chúa: giáng Hồng Ân.

Kính báo: Mọi sự giúp đỡ cho chương trình Quà Tặng Tin Mừng và Cơm Yêu Thương,
xin vui lòng liên lạc BBT CGVN conggiaovietnam@gmail.com

Để tưởng nhớ và tri ân Lm Gã Siêu Hoàng Đình Mai, Đặc San GSVN sẽ cho đăng mỗi kỳ một Chuyện Phiếm của Gã Siêu.

CHẠY...

Đêm. Ánh trăng vàng đổ xuống ê hề trên một khoảng sân rộng. Gió thổi mon man. Xấp nhỏ đang chơi trò “Vân Tiên”. Chúng chia thành hai phe, đối đáp nhau bằng những vần thơ thật dễ thương, một phe vần a, còn một phe vần ô, để xem phe nào nhanh trí, còn phe nào bí lối thì liền bị thua. Bị thua thì phải cõng phe kia chạy một vòng quanh sân.

Một người xướng :

- Vân Tiên cõng mẹ chạy ra,

Phe a :

- Đụng phải bà già, cõng mẹ chạy vô.

Vân Tiên cõng mẹ chạy vô,

Phe ô :

- Đụng phải nhỏ bồ, cõng mẹ chạy ra.

Vân Tiên cõng mẹ chạy ra,

Phe a :

- Đụng phải...đờn bà, cồng mẹ chạy vô.

Vân Tiên cồng mẹ chạy vô,

Phe ô :

- Đụng phải thầy đồ, cồng mẹ chạy ra.

Cứ thế và cứ thế...Những tiếng cười lạnh lạnh, trong suốt như pha lê, không hề chất chứa một tí ti ý đồ đen tối nào cả vang lên giữa đêm khuya thôn dã...

Còn gã, đang ngồi căng mắt để đọc cho hết một chồng báo mới mua. Nói theo kiểu con nhà có đạo thì :

- Đã trót ăn cơm Chúa, thì phải múa tối ngày.

Còn nói theo kiểu mấy ông cán bộ nhà nước thì :

- Làm ngày không đủ, tranh thủ làm đêm.

Tiếng dế quện lẫn với tiếng muỗi vo ve tạo thành một bản hợp xướng tuyệt vời mà dân thành thị bây giờ có nằm mơ cũng chẳng thấy. Bất ngờ gã liếc qua một bài viết ngắn ngắn có tựa đề : “Chạy + Y = ?” của tiến sĩ Phạm Văn Tình, đăng trên tờ “Tuổi trẻ Chủ Nhật” số 44-03, ra ngày 02 tháng 11 năm 2003. Càng đọc, gã lại càng cảm thấy “tâm đầu ý hợp” với tác giả, nên đã tự thưởng cho mình, bằng cách vỗ đùi đánh đét một phát, rồi bắn một liều thuốc Lào ba số tám và lằm bằm :

- Tuyệt...Thật là tuyệt cú mèo!

Vì thế, hôm nay gã xin mượn đỡ một vài ý tưởng của bài viết ấy, để tán dài tán rộng hơn một chút xíu về động tác...chạy.

Động từ chạy trong ngôn ngữ Việt Nam mang rất nhiều nghĩa, và có những nghĩa chẳng liên quan gì tới chân, tới cẳng. Chẳng hạn :

Chạy có nghĩa là kéo dài ra, như khi chúng ta nói :

- Dãy núi này chạy dài từ Châu Đốc tới Tịnh Biên.

Chạy có nghĩa là chịu thua, như khi chúng ta bảo :

- Bạc chữa trâu canh đã chạy làng.

Chạy có nghĩa là lưu loát, thông suốt, không vấp vấp và cũng không ế ẩm, như khi chúng ta xác quyết :

- Anh ấy nói chạy tiếng Ảng Lê quá.

- Cô ta bán hàng chạy đầy chứ.

Tuy nhiên, những nghĩa trên đây chỉ là những nghĩa phụ thuộc, những nghĩa lẻ tẻ mà thôi. Gã sẽ bàn đến những ý nghĩa chính yếu của động tác...chạy.

Trước hết, chạy có nghĩa là di chuyển thân thể với những sải bước nhanh, chân này chưa kịp động tới đất thì chân kia đã giơ lên :

- Đường dài ngựa chạy cát bay,

Ngõi nhân thăm thẳm, một ngày một xa.

Hồi còn bé, gã được học trong sách “Quốc Âm Giáo Khoa Thư” về một câu đố như sau :

- Con gì ban sáng nó đi bốn chân, ban trưa nó đi hai chân, còn ban chiều nó đi ba chân.

Xin thưa rằng :

- Đó là con người. Ban sáng có nghĩa là khi mới sinh ra, chúng ta bò bằng cả hai tay lẫn hai chân, như vậy vị chi là bốn chân. Ban trưa có nghĩa là khi trưởng thành, chúng ta đứng thẳng và đi bằng hai chân. Còn ban chiều có nghĩa là khi đã về già, chúng ta phải chống thêm một chiếc gậy, như vậy vị chi là ba chân.

Nếu dựa vào câu đố này, thì chạy phải là một đặc tính của người trẻ. Trẻ về phần xác cũng như trẻ về phần hồn, bởi vì trên thế gian này có nhiều người “nhân lão, tâm bất lão”, hình dong bên ngoài thì già, nhưng cõi lòng bên trong thì vẫn trẻ măng và phơi phới. Con nít mới bảy tháng biết bò, thì không thể nào mà chạy. Còn các cụ mang nặng tuổi đời, phải chống gậy mà đi, thì cũng chẳng thể chạy nổi.

Tùy theo vận tốc, mà người ta có những kiểu chạy khác nhau, chẳng hạn bon bon, chạy như bay, chạy có cò, chạy lút ga...Tùy theo hình hài vóc dáng, người ta có những cách chạy chẳng giống ai, thí dụ chạy cong đuôi, chạy cắm đầu, chạy đôn chạy đáo, chạy ngược chạy xuôi, chạy sấp chạy ngửa, chạy dọc chạy ngang...Riêng trong phạm vi máy móc, tùy theo nhiên liệu,

người ta cũng có những hình thức chạy riêng biệt, chẳng hạn chạy hơi nước, chạy dầu, chạy điện...

Trên lãnh vực thể dục và thể thao, ngày xưa cũng như hôm nay, chạy bộ đã trở thành một môn có tên trong những cuộc thi đấu quốc tế. Và người ta cũng có nhiều kiểu chạy, nhiều cách chạy và nhiều hình thức chạy. Chẳng hạn trong lễ khai mạc thì có chạy đuốc. Trong thi đấu, thì có chạy tiếp sức, chạy nhảy rào... Tùy theo khoảng cách, thì có chạy 500 mét, chạy 1000 mét... Đối với phong trào quần chúng, thì có chạy “việt dã”, tức là chạy trong địa hình tự nhiên như chạy băng đồng hay băng rừng. Còn chạy “marathon”, tức là chạy đường dài, những người thi đấu phải chạy một khoảng đường dài chừng 42km¹⁹⁵.

Ngoài ra, người ta còn tham dự những cuộc chạy bộ với những lý do khác nhau, chẳng hạn chạy bộ vì hòa bình và phản đối chiến tranh, chạy bộ vì bệnh Aid và cổ võ cho một nếp sống lành mạnh.

Trong những thập niên gần đây, thỉnh thoảng lại xuất hiện trên báo chí và truyền hình, lác đác một vài “độc chiêu” của việc chạy, đó là “trường chạy”, nghĩa là người ta cỡi trường tô hô mà chạy khơi khơi ngoài đường phố cốt để phản đối một chuyện gì đó.

Chẳng hạn cách đây mấy năm ở bên Nhật mười mấy người cũng đã trường chạy để phản đối việc thiên hạ mặc áo da thú, bởi vì để được mặc như vậy, người ta đã phải giết chết biết bao nhiêu con vật đáng thương và vô tội, lấy da mới may thành một chiếc áo...

Nếu chỉ có vậy mà thôi, thì chạy vẫn còn là một việc làm lành mạnh và đem lại nhiều lợi ích cho sức khỏe. Các bác sĩ vốn thường khuyên những người đã lỡ mang nặng “tí tuổi” đời, cũng như những người vốn mắc phải một chứng bệnh nan y nào đó, chẳng hạn như cao huyết áp, tiểu đường, sạn thận... phải vận động bằng cách mỗi ngày chạy bộ hay đi bộ ít phút cho máu huyết được lưu thông.

Tuy nhiên, chỉ có một chút vắn đục trong phạm vi này, đó là mấy chị vận động viên hay mấy anh lực sĩ vì cá nhân quá ham thích những chiếc huy chương vàng, hay vì màu cờ sắc áo, vì tự ái dân tộc thúc đẩy, mới đại dột xoi “doping”, dùng chất kích thích để tăng thêm sức lực, hầu đạt tới mục đích mong muốn, nhưng họ cũng khó mà vượt qua được những xét nghiệm trước khi thi đấu.

Kinh nghiệm cho thấy cuộc đời không đơn giản và trong suốt như pha lê. Trái lại, luôn có những chữ “nhưng”, chữ “tại”, chữ “bởi vì”, chữ “ví như”... làm cho trở nên thật nhiều khê và rắc rối. Nếu chỉ cầm đầu cầm cổ chạy thẳng một lèo, thì đâu còn chi phải nói, đằng này người ta có

thể chạy vòng vo tam quốc, thành thử người ta cũng phát minh ra những kiểu chạy...trời ơi đất hỡi!!!

Với trò chơi của xấp nhỏ trong đêm trăng sáng, gã thấy được hai nhóm chạy :

- Nhóm thứ nhất là chạy ra, nhóm thứ hai là chạy vô.

Còn trong việc giao tiếp hằng ngày, gã cũng nhận ra hai nhóm chạy :

- Nhóm thứ nhất là chạy lui, nhóm thứ hai là chạy tới.

Theo sự phân tích của tiến sĩ Phạm Văn Tình, thì :

“Ở nhóm thứ nhất, người ta “chạy” là để tránh xa một sự thể đang nói tới, như chạy giặc có nghĩa là tránh xa vùng giặc giã, nguy hiểm...Còn ở nhóm thứ hai, thì ngược lại, người ta “chạy” là để mong có được cái đang nói tới, như chạy việc có nghĩa là lo liệu tìm được việc làm như lòng mong muốn...”

Từ đó, chúng ta có thể quả quyết : nhóm một chạy là để tránh xa hay thoát khỏi, còn nhóm hai chạy là để có được hay xấp vô. Gã xin dừng lại, bàn ngang tán dọ về hai nhóm này một chút.

Trước hết, nhóm thứ nhất chạy là để tránh xa hay thoát khỏi. Gã xin đưa ra những trường hợp điển hình.

Thí dụ thứ nhất, đó là chạy mưa. Đang đi khơi khơi trên đường phố vào một buổi chiều nhàn nhã, bỗng dưng trời đổ mưa. Một cơn ngoài dự tính, như người ta vốn thường diễn tả :

- Trời Saigon, chợt mưa và chợt nắng.

Và thế là phải ba chân bốn cẳng mà “chạy mưa”, tìm một chỗ nào đó để trú cho khỏi bị ướt. Tương tự như vậy là chạy lụt, chạy bão...Gã nhớ hồi còn nhỏ, có một năm đồng bằng sông Cửu Long bị lụt lớn, nước dâng cao ngập đường đi, cũng như ngập nền nhà. Mọi sự đều bị nhận chìm trong biển nước bao la, cộng thêm vào đó, một cơn bão thổi tới, tạo thành những con sóng “bạc đầu” giữa chốn đồng không mông quạnh. Và để an toàn, cả nhà gã lập tức được di tản lên thành phố, ở trọ nhà một người quen, chờ cho tới khi nước rút mới trở về. Chỉ riêng một mình bố của gã là bám trụ ở lại để trông coi nhà cửa, vật dụng cùng những thứ kỉnh kỉnh khác nữa.

Thí dụ thứ hai, đó là chạy loạn. Chuyện này thì gã đã hơn một lần kinh nghiệm. Gã còn nhớ rất rõ, khoảng đầu năm 1975, gã đang sống yên ổn tại Đalat, một thành phố thơ mộng và

xinh đẹp nhất Việt Nam. Rồi bỗng dưng, con những ông lớn được gửi học tại đây, dần dần được di tản “chiến thuật” về Saigon. Thế là dân chúng lập tức ăn theo, cũng tìm cách chạy loạn, rút khỏi thành phố này một cách êm ru bà rù, không kèn không trống. Tới khoảng giữa tháng ba, thì thành phố này như đã trở nên một thành phố chết. Xe cộ không còn. Người ngợm thừa thớt. Đến ngày 20 tháng 3, thì một tin đồn được tung ra :

- Việt Cộng sẽ chiếm Đà Lạt nội trong đêm nay.

Lập tức một đợt di tản cuối cùng được hình thành. Người ta hối hả chạy loạn, ra khỏi thành phố này bằng bất cứ phương tiện nào, tạo nên một chuỗi dài hàng cây số đủ thứ xe cộ, bò xuống đèo Ngoạn Mục, miễn sao mình phải “biến” trước khi màn đêm buông rơi. Riêng gã thì ngồi chung cùng với nhiều người khác trên một chiếc xe “ben”, thứ xe được dùng để chở cây rừng. Rất may tối hôm đó cũng tới được Phan Rang và thở phào nhẹ nhõm. Rồi từ Phan Rang tìm đường vô Phan Thiết. Rồi từ Phan Thiết, kiếm ghe chạy vô Vũng Tàu.

Thí dụ thứ ba, đó là chạy tội hay chạy án. Một công dân rất mực lương thiện, nhưng chẳng may bị ma dẫn lối quỷ đưa đường, nghe theo những lời dụ dỗ đường mật, khiến cho lòng tham nổi lên dùng dưng, phạm vào một trọng tội, như cướp của, giết người, tham nhũng hối lộ hay biển thủ công quỹ... Những tội này, chiếu theo luật pháp, sẽ bị tử hình, hay ít nữa cũng vào nằm nhà đá mà đếm lịch một nghỉ. Và thế là bèn vội vã chạy tội hay chạy án, nghĩa là tìm cách làm sao cho thoát tội hay được giảm án phạt, bằng cách thuê luật sư giỏi, gán cổ cãi cho mình, biến đen thành trắng, hay mua đứt quý vị quan tòa, từ chánh án cho đến anh long tong chạy giấy.

Tiếp đến, nhóm thứ hai, đi ngược lại với nhóm thứ nhất. Trong nhóm này, người ta chạy là để có được hay sáp vô. Gã cũng xin đưa ra những trường hợp điển hình.

Thí dụ thứ nhất, đó là chạy gạo hay chạy tiền. Gia đình lâm vào cơn túng quẫn, thì vấn đề nổi cộm hiện ra trước mắt chính là vấn đề “cơm áo gạo tiền”. Vì thế, bụng đói thì đầu gối phải bò, nghĩa là phải vắt giò lên cổ, chạy gạo từng ngày, làm sao có được những hạt cơm lấp đầy những cửa miệng, dường như lúc nào cũng sẵn sàng ngoác tới tận mang tai để kêu đói như tàu...há mồm. Vì thế, người xưa đã bảo :

- Ai ơi bụng bát cơm đầy,

Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần.

Giải quyết được chuyện bao tử cũng chưa đủ, bởi vì muốn làm bất cứ việc gì, thì vấn đề đầu tiên bao giờ cũng vẫn là vấn đề tiền đâu. Không có tiền, thì cái khó bó cái khôn, đành phải

thúc thủ chịu vậy mà thôi. Có bột mới gột nên hồ. Có tiền thì mới có cơ may phát lên. Vì thế, cũng phải vất giở lên cổ mà chạy tiền, làm sao để có được tiền, càng nhiều càng tốt, mới cảm thấy được bảo đảm an toàn.

Thí dụ thứ hai là chạy thầy chạy thuốc. Phàm đã là người, thì ai cũng ham sống và không muốn chết, vì thế chẳng may bị đau yếu hay bệnh hoạn, thì lập tức phải chạy thầy chạy thuốc, để chóng được bình phục trở về với cuộc sống thường ngày.

Thí dụ thứ ba là chạy điểm, chạy trường. Muốn cho con em mình được lên lớp, thì phải lo chạy điểm, nghĩa là phải biết điều với thầy cô để con em mình có đủ số điểm cần thiết, không bị lưu lại lớp cho năm học tới. Rồi trước ngày khai giảng, muốn cho con em mình được học ở những trường nổi tiếng, bảo đảm chất lượng giảng dạy, thì phải lo...chạy trường, bằng cách ký sổ vàng, đóng góp kha khá cho ban giám hiệu thì mới hy vọng con em mình được nhận.

Thứ tư là chạy việc. Hiện thời tại Việt Nam, biết bao nhiêu sinh viên tốt nghiệp với bằng cấp rủng rỉnh, thế mà vẫn cứ bị thất nghiệp, vẫn cứ bị sao quả tạ chiếu tướng và vẫn cứ bị bà cả đội viếng thăm dài dài. Vì thế, trước khi thò chân bước xuống cuộc đời, phải biết lo chạy việc, nghĩa là tìm cho mình một việc làm phù hợp với khả năng, và hơn thế nữa một việc làm đem lại tiền lương hậu hĩnh, khả dĩ nuôi sống bản thân và những người trong gia đình...

Thứ năm là chạy lên lương hay lên chức. Thực vậy, khi đã có việc làm ổn định, thì phải lo chạy để lên lương hầu có thể rủng rỉnh chi tiêu, mua sắm và trang bị cho mình những tiện nghi hiện đại, đỡ tốn sức lao động và bớt phần nhọc nhằn cho cái thân thể gầy còm ốm yếu. Trong khi đó nhiều người lại cắm đầu cắm cổ chạy để được thăng chức, mà nghênh ngang với đời, chứ làm phó thường dân, “vai nặng chân trơn” mãi cũng chán, đã đến lúc phải có danh gì với núi sông, phải có một cái nhãn hiệu trình tòng, một cái lon, cái chức nào đó gắn vào cái tên cúng cơm của mình thì mới...oai và mới được thiên hạ kiêng nể!

Gã biết một thầy sáu, được bề trên gọi tiến chức. Khi làm đơn nộp cho nhà nước xét duyệt, thầy tự vấn lương tâm, thấy mình chẳng có tí công trạng nào. Và thế là những người thân quen với thầy bèn làm một màn chạy thật đẹp mắt, đó là chạy...bằng khen.

Ai quen cơ quan nào, thì cố gắng khều cho thầy một bằng khen. Và cuối cùng thầy đã có được một bề dày thành tích đáng kể đối với...cách mạng. Những tấm bằng khen được nộp kèm theo đơn xin, tạo thành một tập hồ sơ nặng ký. Từ bằng khen nuôi lợn, nuôi cá, đến bằng khen cấy lúa, trồng cây. Từ bằng khen xóa đói giảm nghèo đến bằng khen xóa nạn mù chữ. Thầy anh dũng bước đi với những bằng khen che phía trước, chắn phía sau để tiến tới chức thầy cả!!!

Nói tóm lại trên cõi đời này, cái gì người ta cũng có thể chạy, hay nói cách khác, người ta lao đầu vào chạy đủ thứ, chạy tuốt luốt, chạy từ cái trường mẫu giáo cho con em đi học, chạy ngay cả đến cái ghế tổng thống cho cá nhân được vinh thân phì gia, nở mày nở mặt với bàn dân thiên hạ...tất tật đều có thể thực hiện được bằng cách...chạy.

Qua sự phân tích trên, gã thấy nguyên việc chạy mà thôi cũng đã gây nên biết bao nhiêu điều rắc rối. Và nói theo kiểu dự báo thời tiết thì :

- Diễn biến còn nhiều phức tạp, quý vị cần theo dõi.

Trong cả hai nhóm chạy, nhóm chạy ra cũng như nhóm chạy vô, nhóm chạy lui cũng như nhóm chạy tới, nhóm chạy để mong tránh khỏi cũng như nhóm chạy để mong có được, đều xuất hiện những kiểu chạy chẳng liên quan gì tới chân, tới cẳng, bởi vì người ta chạy bằng những phương tiện khác nhau.

Chẳng hạn người ta chạy bằng...ô dù, nghĩa là lợi dụng tình nghĩa thân quen, hay chức quyền để tránh khỏi điều xấu và đạt được điều tốt.

Một ông bố quyền cao chức trọng, chạy tội cho cậu ấm vì đã phóng xe vượt ẩu, gây tai nạn chết người. Một bà mẹ làm lớn chạy việc cho cô chiêu để có được một ghế ngồi vững chắc với lương tháng hậu hĩnh trong công ty. Thật đúng như người xưa đã diễn tả :

- Con vua thì lại làm vua,

Con nhà kẻ khó, bắt cua tối ngày.

- Con vua thì lại làm vua,

Con nhà thầy chùa, lại quét lá đa.

Chẳng hạn người ta chạy bằng...bao thư, bằng phong bì, nghĩa là dùng tiền bạc để thực hiện điều mình mong muốn. Đưa bệnh nhân tới nhà thương cũng phải sắp sẵn bao thư hay phong bì, dĩ nhiên trong đó phải có nhân, có ruột, nghĩa là phải...có tiền. Tiền này được gọi là tiền “bồi dưỡng” cho y tá, cho bác sĩ để bệnh nhân được chăm sóc đến nơi đến chốn.

Muốn chạy tội và trắng án, cũng phải lo lót bao thư hay phong bì cho chánh án, cho thẩm phán.

Muốn con em có được một nơi học tốt, cũng xùy bao thư hay phong bì ra cho ban giám hiệu.

Thời buổi bây giờ, bao thư hay phong bì đang nở rộ, như hoa đào khoe sắc vào mỗi độ xuân về. Thật đúng như người xưa đã nói :

- Nén bạc đâm toạc tờ giấy.
- Có tiền việc ấy mà xong nhỉ.

Người ta còn có thể chạy bằng những phương tiện “âm u” khác nữa, như chạy bằng bừa, bằng sắc, nghĩa là giải quyết công việc bằng tiệc nhậu hay bằng đờn bà con gái... Những cách chạy này, gã xin được “nô-tế-bồn”, nghĩa là xin được miễn bàn tới ở đây, mong bàn dân thiên hạ thông cảm cho gã.

Một khi đồng tiền đi trước và chức quyền theo sau, người ta chẳng cần phải tốn sức lao động mà chạy tới chạy lui, chạy ra chạy vô, chẳng cần phải giơ chân nhấc cẳng bước một bước nào sốt, cứ việc ung dung ngồi chơi xơi nước ở nhà, chỉ cần nói một lời nói êm dịu, nhấc một cú “phôn” ngắn ngủi là xong. Khỏe re! Thế nhưng, khỏe cho bản thân mình, nhưng lại phá vỡ các tiêu chuẩn đạo đức và làm cho xã hội bị băng hoại.

Để kết luận, gã xin kể lại hai mẫu chuyện tiêu biểu cho hai kiểu... chạy đáng chạy vì chúng mang tích cách xây dựng.

Mẫu chuyện thứ nhất, đó là cuộc chạy đua giữa rùa và thỏ.

Vào một buổi sáng đẹp trời, thỏ rủ rùa ra đường chạy đua xem ai tới đích trước. Ý vào tài chạy nhanh của mình, thỏ nằm dưới gốc cây cổ thụ. Gió thổi hiu hiu đưa thỏ vào giấc ngủ. Trong khi đó, rùa chậm chạp bò lê từng bước, từng bước một. Khi thỏ chợt tỉnh, dụi mắt nhìn thì thấy rùa đã gần tới đích. Bấy giờ thỏ mới ba chân bốn cẳng, chạy vắt giò lên cổ thể mà cũng chẳng đuổi kịp, bèn thúc thủ chịu thua.

Chuyện này khuyên chúng phải kiên nhẫn, bởi vì sự kiên nhẫn sẽ dẫn tới thành công :

- Nước chảy đá mòn.
- Kiến tha lâu cũng đầy tổ.
- Có công mài sắt, có ngày nên kim.

Mẫu chuyện thứ hai, đó là chạy nhàn chạy nghĩa.

Mạnh Thường Quân nhà giàu cho vay mượn nhiều. Một hôm sai Phùng Huyền sang đất Tiết đòi nợ. Lúc sắp đi, Phùng Huyền hỏi :

- Tiền nợ thu được, có định mua gì về không ?

Mạnh Thường Quân nói :

- Người xem trong nhà ta còn thiếu thứ gì thì mua.

Khi đến đất Tiết, Phùng Huyền cho gọi dân lại, bảo rằng :

- Các người còn nợ bao nhiêu, Mạnh Thường Quân đều tha cho cả.

Rồi đem văn tự ra đốt sạch.

Lúc về, Phùng Huyền thưa với Mạnh Thường Quân rằng :

- Nhà tướng công châu báu đầy kho, chó ngựa đầy chuồng, người đẹp đầy buồng, không còn thiếu sự gì nữa. Chỉ còn thiếu một cái “nghĩa” mà thôi, nên tôi trộm phép vì tướng công đã mua về.

Mạnh Thường Quân nghe nói thế, cũng không hỏi han gì đến tiền bạc nữa.

Sau Mạnh Thường Quân bị bãi quan, phải về ở đất Tiết. Dân đất Tiết nhớ đến ơn xưa, ra đón rước đầy đường. Mạnh Thường Quân bấy giờ mới ngoảnh lại bảo Phùng Huyền rằng :

- Trước tiên sinh vì tôi mua nghĩa, nghĩa ấy ngày nay tôi mới trông thấy.

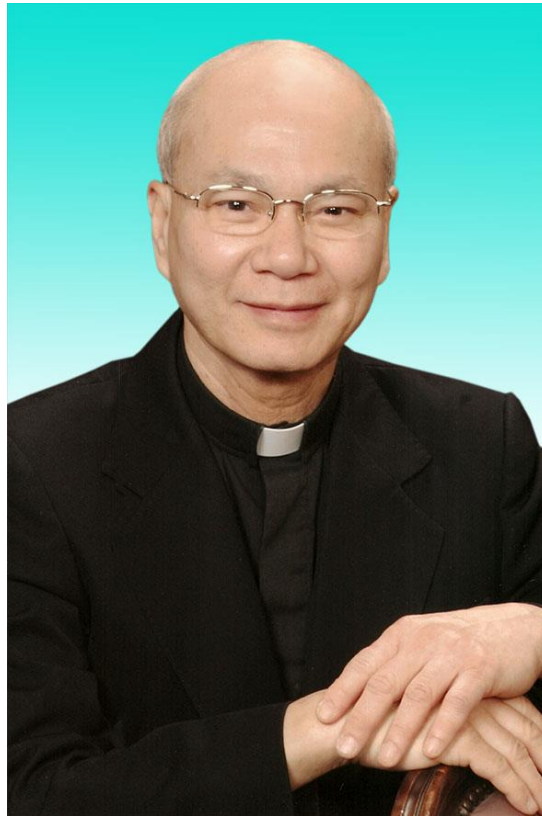
Đúng là Phùng Huyền đã mua nhân mua nghĩa, hay nói cách khác, đã “chạy nhân chạy nghĩa” cho Mạnh Thường Quân. Thế nhưng, ngày hôm nay có được bao nhiêu người cũng biết “chạy nhân chạy nghĩa” cho mình như vậy ?

Chuyện phiếm của Gã Siêu.

VỀ MỤC LỤC

Giáo sĩ: xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

Tri Ân
Cha Luca PHẠM QUỐC SỬ
Chủ Nhiệm Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam



30.12.1946 – 01.12.2020

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ
giaosivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quý vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại
www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thể khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam
Thư Ký: Giuse Phạm Hoàng Quỳnh.
TGP Baltimore USA